

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Mã chứng khoán: KGM
- Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: (0297) 3863 491 Fax: (0297) 3862 309
- E-mail: [info@kigimex.com.vn](mailto:info@kigimex.com.vn) Website: <http://www.kigimex.com.vn>
- Người thực hiện CBTT: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://www.kigimex.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



*Dương Thị Thanh Nguyệt*



**Kien Giang Import & Export Joint Stock Company**



Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc,  
thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang



(0297) 3863 491



[www.Kigimex.com.vn](http://www.Kigimex.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**





## 05 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## 29 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## 49 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

## 59 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 67 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## 81 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán  
Báo cáo tài chính được kiểm toán

# MỤC LỤC



*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

**Tên quốc tế:** Kien Giang Import & Export Joint Stock Company

**Tên viết tắt:** Kigimex

**Mã cổ phiếu:** KGM

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 10/05/2018.

**Vốn điều lệ:** 254.300.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 270.783.900.766 đồng (tại ngày 31/12/2021)

**Địa chỉ:** Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**Số điện thoại:** (0297) 3863 491

**Số fax:** (0297) 3862 309

**Email:** info@kigimex.com.vn

**Website:** www.kigimex.com.vn

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1975**

Công ty Xuất nhập cảng Nam Hải được thành lập, có văn phòng chính tại Cần Thơ và trực thuộc Công ty Xuất nhập cảng Miền Tây. Đây chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hiện nay.

Công ty Xuất nhập cảng Nam Hải đổi thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**1976**

Công ty đổi tên từ Công ty Ngoại thương Kiên Giang sang Công ty Liên hợp xuất khẩu Kiên Giang.

**1981**

Công ty đổi tên thành Liên Hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Vào thời điểm đó, các Công ty như Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả, Công ty Dầu thực vật, Cửa hàng Kiều hổi, Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu, Nhà máy đông lạnh khóm, Xí nghiệp đông lạnh thủy sản xuất khẩu (XN I), Đội tàu Sông Kiên đều trực thuộc Công ty.

**1982**

**1988**

Công ty đổi thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang và hoạt động theo giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số 4081004 do Bộ Thương mại cấp ngày 01/03/1993.

**1992**

**1994**

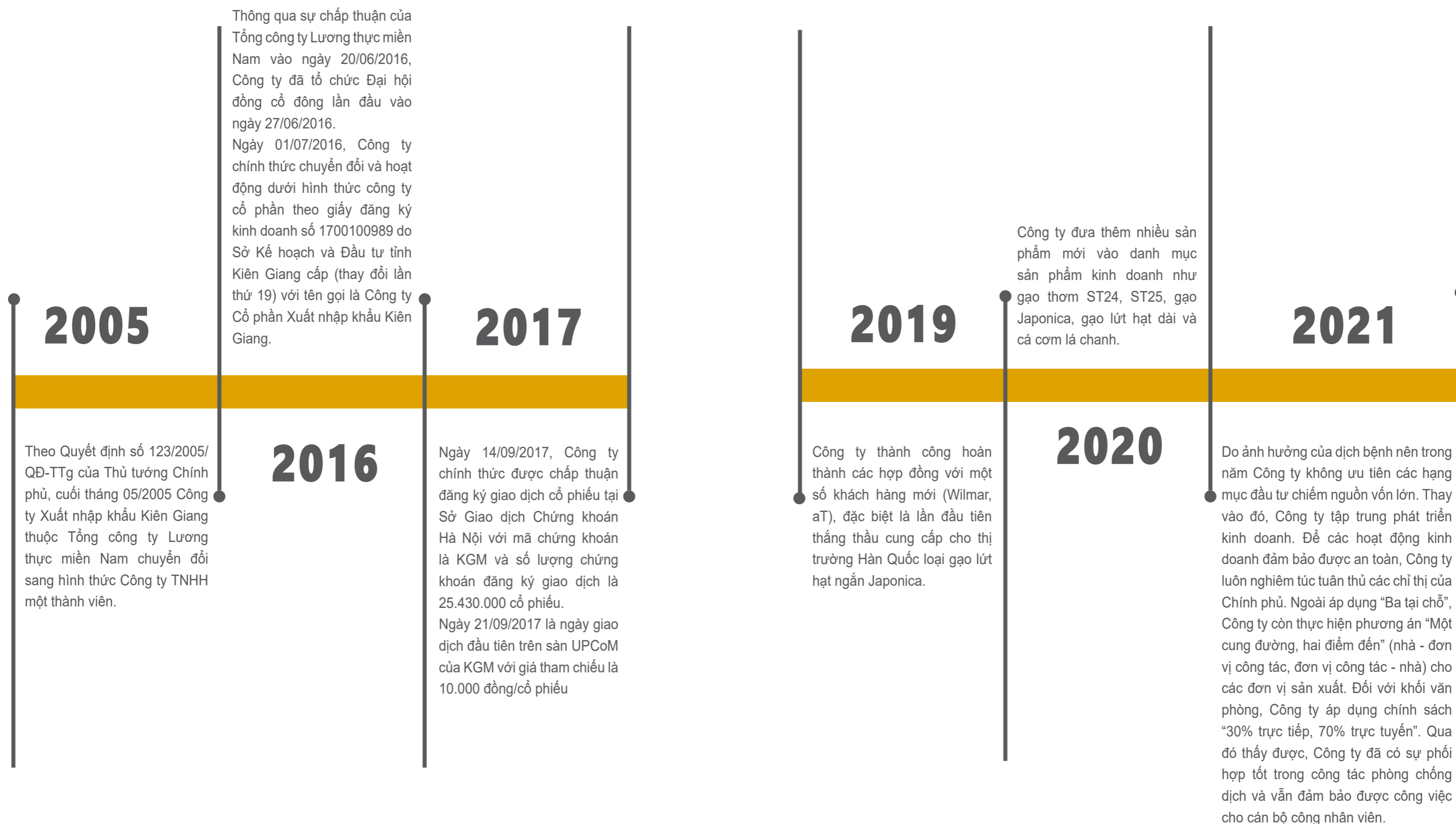
Tháng 04/1994, Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**1995**

Tổng công ty Lương thực miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/ TCLĐ – QĐ ngày 25/11/1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

### CÁC GIẢI THƯỜNG TIÊU BIỂU

Hơn 45 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều khó khăn trong quá khứ để đạt được vị thế như bây giờ, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang ngày nay đã đạt được nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực kinh doanh. Công ty nhận được sự tin nhiệm từ Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, giành được nhiều giải thưởng, thành tích nổi bật trong các hoạt động kinh doanh như:

- Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III.
- Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua.
- Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I.
- Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động.
- Bộ Công thương xếp hạng trong 10 doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về xuất khẩu gạo và nhiều năm liền được bình chọn là "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín".
- Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt.
- Đạt Cúp Vàng "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam.
- Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng.
- Hàng năm được Tổng công ty Lương thực miền Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.
- Được đạt nhiều danh hiệu, giải thưởng, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

**Vị thế công ty:** Công ty luôn đứng top đầu các doanh nghiệp do Tổng công ty Lương thực miền Nam xếp loại về:

- Tài chính vững mạnh.
- Sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận cao.
- Ổn định nội bộ.



Cúp Vàng ISO 2008



Cúp Vàng Doanh nghiệp  
Xuất Khẩu uy tín ngành hàng  
Lúa Gạo Việt Nam



Cúp Vàng Thương hiệu và nhãn hiệu



Cúp Vàng  
Thương hiệu và nhãn hiệu



Giải Bạc  
Chất lượng Quốc gia



Giải thưởng  
Chất lượng Việt Nam 2008



Bông lúa vàng  
Việt Nam





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

### CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

#### Năm 2019:

- Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, phối hợp, thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế giai đoạn 2018- 2019” do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trao tặng.
- Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng.
- Công nhận xếp loại tập thể Công đoàn cơ sở tốt năm 2019 của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực miền Nam do Tổng công ty trao tặng.
- Giấy khen và tặng phẩm của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực miền Nam do Tổng công ty trao tặng.
- Bằng khen danh hiệu "Doanh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.

#### Năm 2020:

- Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ trao tặng.
- Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang hội nhập và phát triển do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề "Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020" do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020" do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Về  
bao  
bì  
đóng  
gói

Đóng gói sản phẩm chuyên nghiệp các loại bao PP hoặc bao ghép màng BOPP, PAPE với các loại kích cỡ khác nhau từ 1 kg đến 50 kg; bao Jumbo theo yêu cầu của khách hàng.

### Các mặt hàng gạo

Kigimex thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại:

- Gạo chất lượng cao hạt dài: OM 6976; OM 4218; OM 2571,...
- Gạo thơm: OM 5451, Đài Thơm 8, Nàng Hoa, KDM, Jasmine, ST24, ST25.
- Gạo hạt trung bình: Sóc Miên; OM576 (Hầm Trâu),...
- Gạo thông dụng: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 100% tấm.
- Nếp, tấm, lúa, cám. Trong năm 2020, Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica và gạo lứt dài,...

### Các mặt hàng thủy sản

Kigimex kinh doanh mặt hàng cá cơm các loại:

- Cá cơm sấy khô (cá đã luộc chín sấy khô ăn liền hoặc dùng để chế biến các món ăn khác), gồm các loại sau:
  - Cá cơm nguyên con (2 - 7 cm): chia thành 03 loại tùy theo kích cỡ (A1, A2, A3).
  - Cá cơm thịt (bỏ đầu và xương) (2 - 5 cm): chia thành 02 loại theo kích cỡ (A4).
- Cá cơm tẩm ướp gia vị ăn liền (Cá cơm tách xương sấy khô, tẩm ướp gia vị, ăn liền).
- Cá cơm lá chanh.
- Cá mai sấy khô (Cá mai tách xương sấy khô).

Về  
bao  
bì  
đóng  
gói

- Bán buôn: Sản phẩm đóng trong thùng carton, có 01 lớp PE bên trong, gồm 02 loại thùng 10kg (loại A4) và 14kg (loại A1, A2, A3).
- Bán lẻ: Cá cơm tẩm gia vị được đóng trong hộp PE, gồm 2 loại hộp 150 gram và 350 gram; Túi hút chân không và Hộp-Bloc đối với các dòng cá tẩm thích hợp cho việc làm quà biếu vừa đẹp và tiện lợi.



## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm gạo và cá cơm của Công ty được tiêu thụ cả thị trường trong nước lẫn quốc tế. Thị trường xuất khẩu lúa, gạo của Công ty đa dạng, trực tiếp xuất khẩu đến các thị trường Châu Á, Châu Phi và qua kênh phân phối với các tập đoàn, công ty lớn có trụ sở tại Châu Âu, Singapore,... Đối với các mặt hàng cá cơm, ngoài phần lớn tiêu thụ nội địa thì thị trường Singapore, Trung Quốc và Malaysia cũng là thị trường tiêu thụ mang lại doanh thu lớn cho sản phẩm cá cơm.

### Ngành hàng xăng, dầu, nhớt

Công ty sở hữu 01 tổng kho xăng dầu đặt tại số 44, đường Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình - TP. Rạch Giá, được xây dựng từ năm 2002 với diện tích xây dựng 6.525 m<sup>2</sup>, sức chứa hơn 4.500 m<sup>3</sup> xăng dầu. Hệ thống các phương tiện vận chuyển của Công ty gồm 04 xe bồn với dung tích mỗi xe từ 10.000 lít đến 14.000 lít và 02 tàu vận chuyển với tổng sức chứa 850 m<sup>3</sup> mỗi tàu. Công ty có 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình. Công ty sẵn sàng cung cấp tận nơi lượng xăng, dầu, nhớt với giá sỉ cho các đại lý, tàu biển và các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài tỉnh.



Chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các mặt hàng:

- Xăng (A83, A92).
- Dầu (DO, KO, FO).
- Nhớt các loại.

Thị trường kinh doanh: Nội địa trong và ngoài tỉnh.

### Các sản phẩm khác

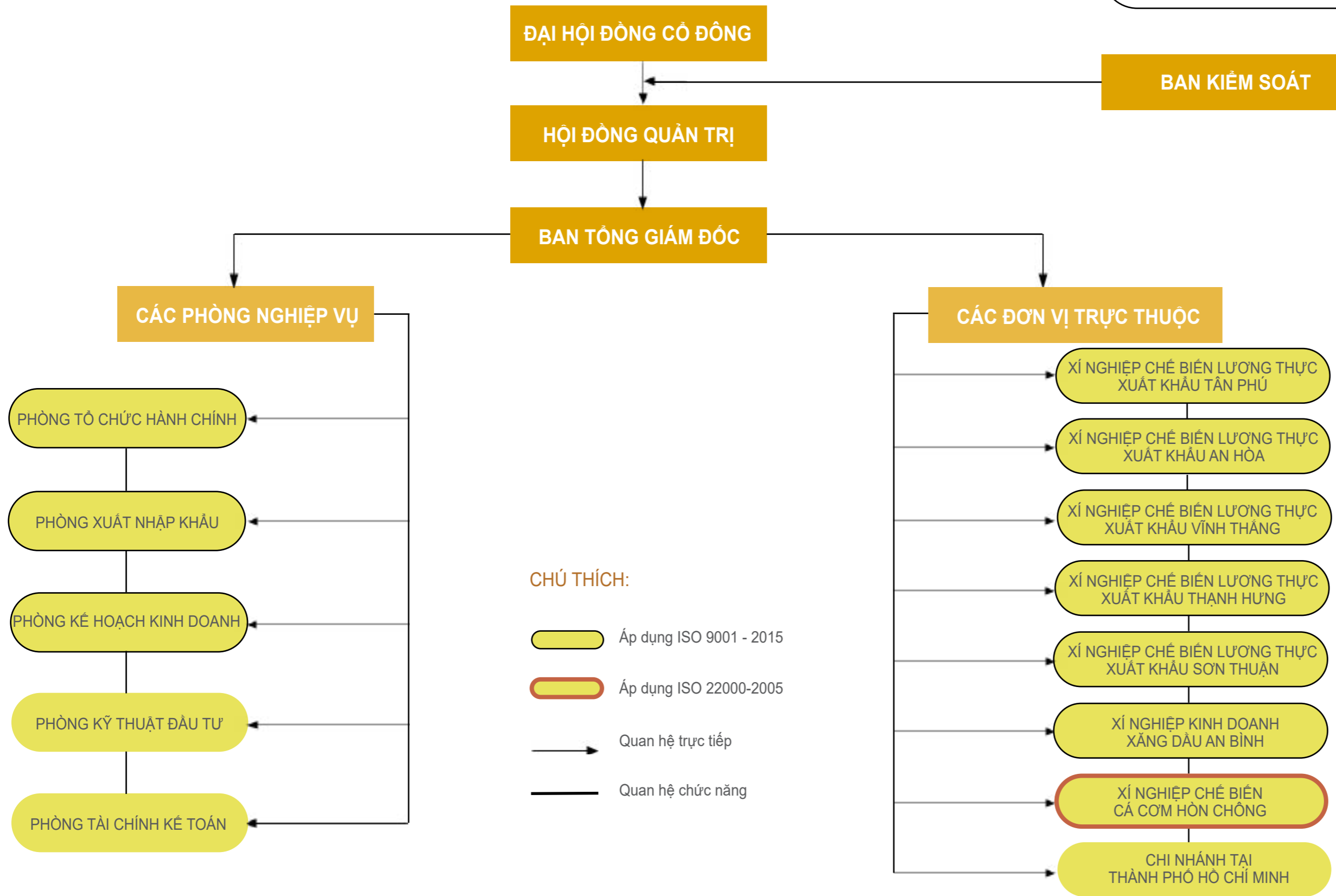
Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao cùng với hệ thống đại lý bán lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và vùng lân cận với các sản phẩm gạo đóng túi PE từ 1 - 5 kg và bao PP từ 10 - 50 kg với các dòng sản phẩm gạo thơm, gạo đặc sản, gạo chất lượng như Đài thơm, Nàng Hoa, Jasmine, KDM, ST24, ST25 và một sản phẩm gạo thông dụng 05% tấm, 10% tấm mang nhãn hiệu "Gạo Ngọc Phú".



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** *Không có*



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp theo)

## ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



**Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú**

Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.



**Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng**

Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.



**Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận**

Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa**

44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



**Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình**

44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.



**Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng**

Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.



**Xí nghiệp Chế biến Cá cơm Hòn Chông**

Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

**B**an lãnh đạo Công ty xác định rõ mục tiêu mà Công ty luôn muốn hướng đến là tạo ra giá trị bền vững về mọi mặt như chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ khách hàng và giá trị nội tại của Công ty thể hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu. Từ đó, đưa Công ty ngày một tiến xa hơn trong thị trường nội địa lẫn quốc tế, góp phần giúp cho những mặt hàng của Việt Nam được biết đến nhiều hơn ở các nước khác. Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh doanh, Công ty cũng chú trọng việc nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Để thực hiện mục tiêu đó, Công ty luôn phấn đấu xây dựng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ quản lý và khối cán bộ nhân sự có năng lực và chuyên nghiệp.

### SỨ MỆNH

**S**ứ mệnh hàng đầu của Công ty là tạo ra các sản phẩm ổn định, chất lượng cao cho khách hàng, góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt trên thị trường thế giới, Kigimex luôn chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị nhằm tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

### TÂM NHÌN

**T** trở thành Công ty hàng đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực thông qua “Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả” và thương hiệu gạo nổi tiếng thế giới.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn nâng cao công tác xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh vươn xa hơn trong tương lai. Để thực hiện được điều đó, Công ty không ngừng tìm kiếm và chọn lựa hợp tác với những đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị. Công tác lựa chọn đối tác là một công tác quan trọng, đòi hỏi Công ty cần đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí chọn lọc để việc hợp tác mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi ích cho các bên. Bên cạnh tập trung nguồn lực phát triển kinh doanh ngành nghề chính, Công ty cũng mở rộng thêm các loại hình dịch vụ, kinh doanh mới để nâng cao doanh thu. Đồng thời, Công ty rất chú trọng trong việc đầu tư các thiết bị chuyên ngành, ứng dụng các cải tiến kỹ thuật đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sự tin dùng cho khách hàng, từ đó có thể mở rộng thị phần trong tương lai không xa.

Ngày nay, khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp không chỉ là sản phẩm mà còn là công nghệ và năng lực sáng tạo. Vì vậy, Công ty luôn sẵn sàng để đổi mới việc vận hành sản xuất, thích nghi với sự phát triển của từng thời kỳ, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững. Đội ngũ cán bộ lao động của Công ty được đào tạo bài bản và xây dựng trên cơ sở có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc, đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức, lối sống tốt. Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể, Công ty chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Công ty, tuyên truyền ý thức đến cho mỗi cá nhân trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng.



### CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ngoài việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cũng rất chú trọng đến các chính sách bảo vệ môi trường cũng như giá trị cống hiến cho xã hội:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng. Đối với môi trường, Công ty cam kết thực hiện theo đúng các chính sách bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh. Đối với trách nhiệm với xã hội, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động và tích cực hỗ trợ cho đời sống của người dân. Thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện, Công ty cũng đã giúp đỡ rất nhiều hoàn cảnh khó khăn tại địa phương. Công ty cũng khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy của mỗi cán bộ về việc đóng góp cho xã hội.

## CÁC RỦI RO



### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp khiến các hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả quốc gia trên thế giới bị trì trệ. Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 một lần nữa bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng Delta có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm hơn diễn ra tại nhiều địa phương, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với đời sống của người dân cũng như sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Bằng sự phối hợp chuẩn xác của hệ thống chính trị các cấp cùng tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã giúp kinh tế - xã hội đạt được kết quả đáng khích lệ. Tiêu biểu là tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 theo Tổng Cục Thống kê tính toán tăng 2,58% so với năm 2020. Tính từ thời điểm bùng phát dịch Covid lần thứ tư vào cuối tháng 04/2021, mọi lĩnh vực của nền kinh tế đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhất là trong quý III/2021. Cụ thể, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội, các doanh nghiệp phải tạm thời đóng cửa theo đúng chỉ thị của chính phủ đưa ra. Việc GDP năm 2021 tăng 2,58% so với năm vừa rồi được xem là một thành công lớn của nước ta trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp. Tuy tốc độ tăng trưởng nền kinh tế năm 2021 là mức thấp nhất trong thập kỷ qua, nhưng vẫn có vài điểm sáng, một trong số đó là hoạt động xuất khẩu gạo. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thống kê sơ bộ về xuất khẩu gạo của cả nước năm 2021 đạt được sản lượng xuất khẩu là 6,15 triệu tấn, đạt gần 3,27 tỷ USD. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu gạo tăng 0,8% về lượng và tăng 7,2% về giá trị. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh nhưng sản lượng lúa năm nay vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 89%, giá gạo xuất khẩu tăng từ 496 USD/tấn năm 2020 lên 503 USD/tấn năm 2021 (theo số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam). Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong chiến lược phát triển ngành lúa gạo từ nay đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu giảm sản lượng và tăng giá trị, tức là giảm số lượng gạo xuất khẩu nhưng giá trị kim ngạch xuất khẩu gạo lại tăng. Dựa theo mục tiêu mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề ra, đây sẽ là cơ hội để nâng cao giá trị mặt hàng chủ yếu mà Công ty kinh doanh. Tuy việc tăng giá mang lại cơ hội tạo ra lợi ích kinh tế cho Công ty nhưng có thể dẫn đến việc khách hàng sẽ lựa chọn sản phẩm thay thế có giá thành cạnh tranh hơn. Do đó, đòi hỏi Công ty luôn chủ động theo dõi, quan sát tình hình thực tế những biến động của nền kinh tế, để có những phương án dự phòng rủi ro thích hợp cũng như lên kế hoạch ứng phó chi tiết, nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ nền kinh tế.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những bộ luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Kế toán, các luật thuế,... Bên cạnh đó, Công ty còn chịu ảnh hưởng từ các Nghị định, Thông tư và các văn bản liên quan đến hoạt động thu mua, chế biến và xuất nhập khẩu lương thực. Để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước nên nhiều văn bản pháp luật thường xuyên phải điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung. Do đó, Công ty phải luôn cập nhật thay đổi các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế, đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong toàn Công ty để giảm thiểu những rủi ro không đáng có.



### RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động chủ lực của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang là xuất khẩu lương thực đến các thị trường mục tiêu như Đông Nam Á, Châu Phi,... Do đó sự biến động tỷ giá là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, đặc biệt là biến động của USD – đồng tiền được sử dụng phổ biến hiện nay. Trong năm 2021, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đồng USD có nhiều biến động. Yếu tố dẫn đến sự biến động tỷ giá trong năm nay chủ yếu đến từ thị trường quốc tế như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn giữ chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích nền kinh tế bị ảnh hưởng từ đại dịch. Điều này đã khiến cho đồng USD bị mất giá hơn so với trước đây, gây nên tình trạng lạm phát cao. Do đó, để kiểm soát lạm phát trong thời gian tới, có thể Fed sẽ nâng mức lãi suất lên, đồng USD có thể sẽ tăng giá liên tục. Đồng USD tăng giá sẽ có ảnh hưởng nhất định tới các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu. Là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa chủ yếu dùng nguyên vật liệu trong nước, việc tăng giá USD sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho Công ty. Tuy vậy, với sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn theo dõi những biến động tỷ giá, không ngừng phân tích, ước tính rủi ro của tỷ giá và lập kế hoạch cụ thể để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất có thể.



**RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH****RỦI RO CẠNH TRANH**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hướng đến thị trường tiêu thụ không chỉ nội địa mà còn cả thị trường quốc tế. Do đó, Công ty chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước lẫn nước ngoài như Thái Lan, Ấn Độ và một số nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Myanmar, Pakistan,... Với sự cạnh tranh gay gắt từ nhiều quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu gạo, đòi hỏi Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm phù hợp và linh hoạt bám sát thị hiếu của khách, mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao. Cùng với việc cải thiện chất lượng sản phẩm, Công ty luôn nỗ lực nâng cao khả năng cạnh tranh cũng như mở rộng nguồn khách hàng thông qua việc tiến hành phân tích, tìm kiếm thị trường tiềm năng và nhu cầu của khách hàng. Từ đó, khẳng định được thương hiệu Kigimex đối với khách hàng trong nước và quốc tế.

**RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU**

Công ty kinh doanh chủ yếu ba ngành hàng là ngành hàng lương thực, thực phẩm và xăng dầu. Nguồn nguyên liệu chính của ba ngành hàng này là lúa, gạo, cá cơm tươi và xăng, dầu.

- Đối với ngành hàng lương thực và thực phẩm chế biến thì giá đầu vào thường xuyên biến động bởi yếu tố mùa vụ và quan hệ cung – cầu trên thị trường. Lúa, gạo trong mùa vụ Đông Xuân thường mang về sản lượng và chất lượng cao nên Công ty thường đưa ra trước các kế hoạch thu mua hợp lý, nhằm đáp ứng đủ điều kiện để xuất khẩu theo đơn đặt hàng và dự trữ để phân phối lẻ. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành thu mua cá cơm khi vào mùa khai thác, thường là khoảng đầu tháng chín âm lịch, khi thời tiết bắt đầu chuyển sang gió bắc. Với mỗi kế hoạch thu mua, Công ty luôn tính toán kỹ nhằm hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp để có được nguồn nguyên liệu với mức giá hợp lý.
- Đối với ngành hàng xăng, dầu, bất kỳ yếu tố nào khiến cho quá trình sản xuất bị gián đoạn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá như những biến đổi về thời tiết hay bất ổn chính trị,... Do đó, Công ty thường xuyên theo dõi những yếu tố có thể ảnh hưởng đến giá xăng, dầu nhằm đưa ra những chiến lược thích hợp cho quá trình kinh doanh của Công ty.

**RỦI RO THỜI TIẾT VÀ MÔI TRƯỜNG**

Sản phẩm chính của Công ty là lúa, gạo, do đó Công ty luôn quan tâm đến điều kiện thời tiết, dịch bệnh và môi trường bởi những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cũng như chi phí đầu vào của sản phẩm. Lúa dễ bị ảnh hưởng bởi khí hậu khắc nghiệt, biến động thời tiết và bệnh dịch cây trồng. Nhiệt độ tăng cao dẫn đến gia tăng bốc hơi nước, làm khô đất, làm ảnh hưởng quá trình thụ phấn, đặc biệt là đối với lúa – loại cây trồng có độ nhạy cảm cao. Nhờ vào vị trí đặc địa có diện tích tự nhiên lớn nhất trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long cùng với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm, sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa ở đây càng thuận lợi hơn. Với sự thuận lợi về điều kiện tự nhiên, Kiên Giang trở thành một trong ba tỉnh có sản lượng lúa cao của Đồng bằng sông Cửu Long. Tiêu biểu là ở vụ lúa Đông Xuân năm 2021, đây là địa phương đạt năng suất với 76,2 tạ/ha, đã đóng góp lớn đến thắng lợi của sản xuất lúa trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, Kiên Giang cũng có những khó khăn khi là tỉnh nằm ven biển, nước mặn có thể ảnh hưởng đến việc trồng lúa của nông dân, nhất là vào mùa khô. Công ty luôn quan tâm đến những vấn đề có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng lúa. Do đó, Công ty thường xuyên theo dõi những thay đổi bất thường của thời tiết và môi trường. Đồng thời, Công ty cũng bổ sung kiến thức về sâu bệnh cho nông dân nhằm hạn chế khả năng xảy ra dịch bệnh trên cây lúa.

**RỦI RO KHÁC**

Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khách quan khác mà Công ty khó kiểm soát được như rủi ro do biến động dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai... Tuy hiếm gặp nhưng một khi xảy ra, những rủi ro này sẽ gây không ít khó khăn cho Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ triệt để nhưng có thể giảm thiểu. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy và chữa cháy, cập nhật thông tin về thời tiết cũng như thực hiện mua đầy đủ bảo hiểm cần thiết trong năm.

*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Năm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	910.501	916.913	100,70%
2	Doanh thu thuần	3.554.196	4.625.436	130,14%
3	Giá vốn hàng bán	3.272.438	4.310.955	131,74%
4	Chi phí tài chính	36.431	32.129	88,19%
5	Chi phí bán hàng	200.388	267.418	133,45%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.294	28.675	76,89%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	22.558	30.768	136,40%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.204	17.027	56,37%
9	Lợi nhuận khác	(4.050)	779	-19,23%
10	Lợi nhuận trước thuế	26.153	17.806	68,08%
11	Lợi nhuận sau thuế	23.797	13.827	58,10%

### Sản lượng tiêu thụ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	% Năm 2021/ 2020
1	Gạo	tấn	283.175	348.571	123,09%
1.1	Xuất khẩu	tấn	219.403	271.382	123,69%
	Thành phẩm	tấn	219.403	271.382	123,69%
1.2	Nội địa	tấn	63.771	77.189	121,04%
	Thành phẩm	tấn	54.512	77.189	141,60%
	Phụ phẩm, lúa	tấn	9.258	3.611	39,01%
2	Xăng, dầu	m3	21.513	19.101	88,79%
3	Cá cơm các loại	tấn	415	319	76,96%
3.1	Xuất khẩu	tấn	270	264	97,94%
3.2	Nội địa	tấn	145	55	37,88%

### Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% Năm 2021/2020
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu lương thực	3.260.448	91,74%	4.301.796	93,00%	100,70%
2	Doanh thu xăng dầu	259.634	7,31%	293.037	6,34%	112,87%
3	Doanh thu cá cơm	34.114	0,96%	30.602	0,66%	89,71%
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.554.196</b>	<b>100,00%</b>	<b>4.625.436</b>	<b>100,00%</b>	<b>130,14%</b>

Với sự bùng phát lần thứ tư của đại dịch Covid-19 trong năm 2021, các hoạt động sản xuất, kinh doanh bị hạn chế khiến cho nhiều doanh nghiệp tổn thất về mặt kinh tế, quan hệ cung - cầu trong nước và cả nước ngoài đều bị đứt gãy. Tại thời điểm đó, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Do biến động khó lường của dịch bệnh khiến cho người tiêu dùng trong nước có tâm lý ưu tiên dự trữ lương thực cần thiết như gạo, mì gói,... Nhờ đó mà sản lượng tiêu thụ gạo của Công ty tăng 23,09% tương đương với 65.396 tấn, trong đó xuất khẩu tăng 23,69% và phân phối nội địa tăng 21,04% so với năm 2020. Tuy nhiên, đối với ngành hàng xăng, dầu và cá cơm, sản lượng tiêu thụ giảm so với năm trước. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ của xăng dầu giảm 11,21%, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động đi lại của người dân bị hạn chế do Chính phủ ban hành các chỉ thị chống dịch trong năm. Đối với mặt hàng cá cơm, sản lượng tiêu thụ xuất khẩu dường như không có thay đổi nhiều, đạt 97,94% so với năm trước. Tuy nhiên, đối với thị trường nội địa năm nay, mặt hàng cá cơm ít được ưa chuộng hơn nên giảm mạnh, cụ thể giảm đến 63,12% so với năm 2020.

Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt công tác dự báo thời vụ thu hoạch rộ, giá thấp để có kế hoạch mua vào bán ra hợp lý, đặc biệt trong vụ Đông Xuân 2021, góp phần giúp doanh thu thuần của Công ty tăng 30,14%, tương ứng với 1.071,2 tỷ đồng so với năm 2020. Mặc dù doanh thu sau một năm tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đến 30,14%, nhưng với nhiều tác động khách quan từ bên ngoài khiến cho lợi nhuận sau thuế của Công ty không đạt so với năm trước. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế 2021 chỉ đạt 13,8 tỷ đồng, giảm 42,9% so với năm 2020, tương ứng với mức giảm hơn 9,9 tỷ đồng. Sau đại dịch, các nền kinh tế bắt đầu mở cửa trở lại khiến cho nhu cầu hàng hóa tăng vọt cộng với khan hiếm container rỗng do thời gian dịch bệnh làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây tắc nghẽn tại các cảng và hạn chế số lượng tàu có thể hoạt động. Từ đó, giá cước vận chuyển tăng cao. Trong khi đó, nhiều hợp đồng kinh tế đã được Công ty ký trước đó và đến thời hạn phải thực hiện hợp đồng, bắt buộc Công ty phải chấp nhận với giá cước vận chuyển cao. Giá cước vận chuyển nội địa bình quân trong năm tăng trên 30%, gián tiếp làm cho chi phí bán hàng trong năm tăng cao lên mức 267,4 tỷ đồng, tăng 33,45% so với năm 2020. Cùng với việc chi phí bán hàng tăng cao, giá vốn hàng bán cũng tăng tương ứng với mức tăng doanh thu làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm đến 43,63% tương ứng với mức giảm 13,2 tỷ đồng.

## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	Số lượng cổ phần sở hữu đại diện	Tỷ lệ sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu đại diện
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	101.500	5.926.472	0,40%	23,31%
2	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	51.700	2.542.888	0,20%	10%
3	Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	4.500	0	0,02%	0%

### LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

#### Bà Dương Thị Thanh Nguyệt

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 27/02/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

07/1999 - 04/2001	Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang
05/2001 - 05/2005	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
06/2005 - 03/2009	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2009 - 05/2010	Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
06/2010 - 03/2015	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2015 - 06/2016	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2016 - 09/2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
10/2016 - 08/05/2018	Người đại diện vốn Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
09/05/2018 đến nay	Người đại diện vốn Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.028.972 cổ phần, chiếm 23,71% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 101.500 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 5.926.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

### LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

#### Ông Phạm Minh Trung

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/02/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

15/11/1999 - 05/02/2003	Nhân viên trạm Kinh doanh Lương thực Xuất khẩu APK
06/02/2003 - 19/01/2007	Nhân viên Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Giồng Riềng
20/01/2007 - 11/2008	Phó Giám đốc Xí nghiệp kiêm Quản đốc XN Chế biến lương thực Xuất khẩu Kiên Long
12/2008 - 03/2009	Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh- Kỹ thuật đầu tư
01/04/2009 - 27/05/2010	Quyền Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
28/5/2010 - 31/12/2015	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
01/01/2016 - 30/06/2016	Phó Giám đốc Công ty
01/01/2016 - 31/03/2018	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
01/07/2016 - 25/04/2019	Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty
25/04/2019 - 29/04/2021	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Từ 30/04/2021 đến nay	Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.594.588 cổ phần, chiếm 10,2% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 51.700 cổ phần, chiếm 0,20% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 2.542.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Quách Thúy Hằng	Vợ	5.600 cổ phần	0,022% Vốn điều lệ
Phạm Minh Tùng	Anh ruột	11.500 cổ phần	0,045% Vốn điều lệ

## TỔ CHỨC NHÂN SỰ (Tiếp theo)

**Bà Trần Thị Điệp**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ngày sinh: 28/02/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

08/1999 - 01/2001	Công tác tại Đội tham mưu tổng hợp Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
01/2001 – 09/2003	Nhân viên kế toán Nhà máy Chế biến lương thực Xuất khẩu 1A trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
10/2003 – 01/2008	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu An Hòa trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
02/2008 – 04/2009	Nhân viên kế toán Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
05/2009 – 04/2011	Tổ trưởng Tổ kế toán Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
05/2011 – 12/2015	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
01/2016 – 09/2016	Phó trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
10/2016 - 22/10/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
23/10/2019 đến nay	Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

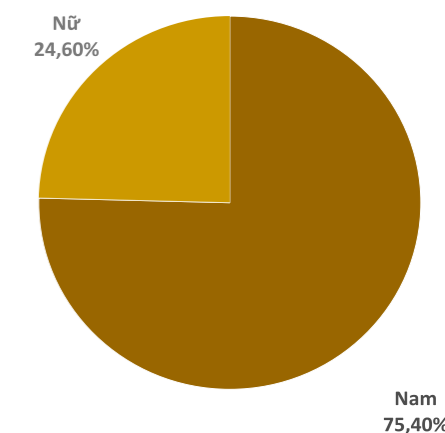
### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	25/01/2022 (thời hạn bổ nhiệm 5 năm)	-

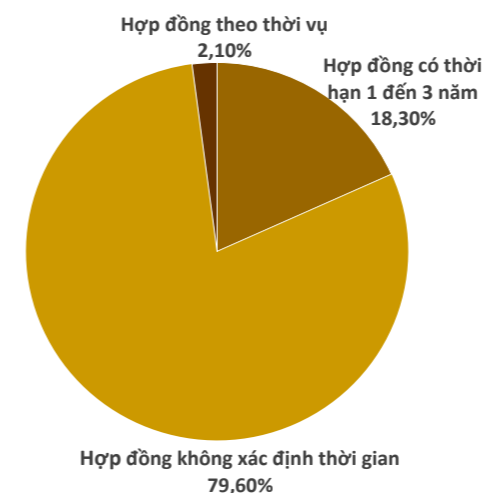
### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN (Tại ngày 31/12/2021)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I Theo trình độ</b>			
1	Trên đại học	2	0,7%
2	Đại học	92	32,4%
3	Cao đẳng	23	8,1%
4	Trung cấp	59	20,8%
5	Công nhân kỹ thuật	42	14,8%
6	Lao động phổ thông	66	23,2%
<b>II Theo tính chất hợp đồng lao động</b>			
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	52	18,3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	226	79,6%
3	Hợp đồng theo thời vụ	6	2,1%
<b>III Theo giới tính</b>			
1	Nam	214	75,4%
2	Nữ	70	24,6%

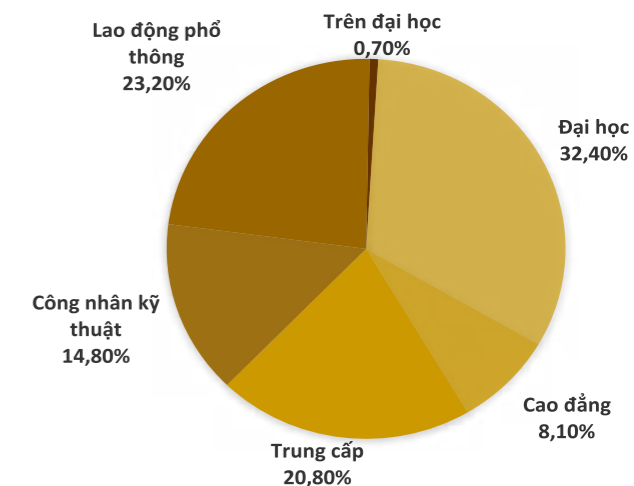
#### THEO GIỚI TÍNH



#### THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG



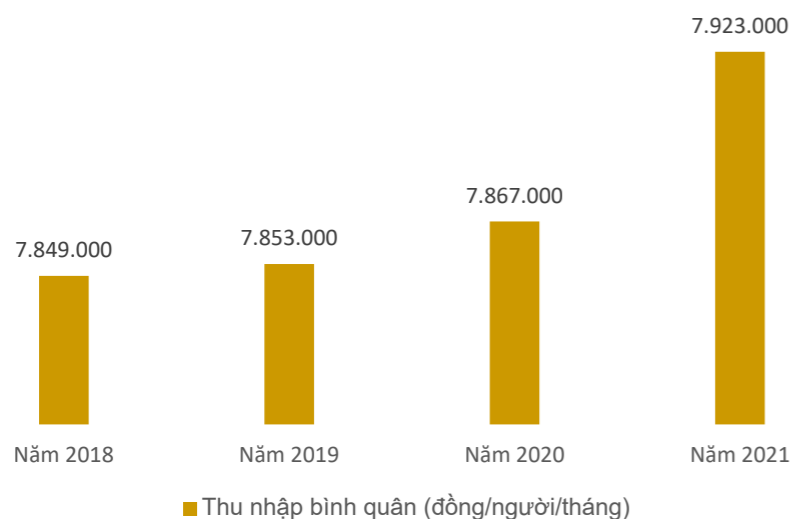
#### THEO TRÌNH ĐỘ



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ (Tiếp theo)

### THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	287	281	280	284
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.849.000	7.853.000	7.867.000	7.923.000



Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 284 người, trong đó: 05 người quản lý và 279 người lao động. Trong đó, theo trình độ lao động, lao động có trình độ đại học chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 32,40% trong tổng cơ cấu lao động của Công ty.

Thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty trong năm 2021 là 7.923.000 đồng/người/tháng, tăng 0,72% so với năm 2020.

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

*“Yếu tố con người luôn được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của Công ty”*

#### Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn quan tâm đến chất lượng nhân sự nên mọi công tác tuyển chọn đầu vào của Công ty diễn ra khá khắt khe và dựa trên nhiều tiêu chuẩn được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tùy vào từng vị trí mà Công ty sẽ quyết định tiêu chuẩn tuyển dụng như thế nào, vị trí càng cao thì càng đòi hỏi ứng viên phải có năng lực, kiến thức chuyên môn và kỹ năng vượt trội hơn. Người lao động tham gia ứng tuyển phải đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu mà Công ty đưa ra tùy theo từng vị trí. Bên cạnh những tiêu chí tuyển dụng chuyên môn thì thái độ và tinh thần làm việc cũng là yếu tố để Công ty ưu tiên lựa chọn. Với Công ty, nguồn nhân sự giỏi sẽ góp phần giúp hoạt động kinh doanh phát triển. Chính vì vậy, Công ty luôn ưu tiên tuyển chọn những cá nhân có năng lực nổi bật, có thể đáp ứng được nhu cầu nhân sự của Công ty. Trong quá trình tuyển chọn, Công ty cam kết thực hiện một cách minh bạch, đảm bảo không bỏ qua những ứng viên có năng lực tốt.

#### Chính sách đào tạo

Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển và mở rộng hơn, đòi hỏi chất lượng nhân sự phải đáp ứng được các công việc hiệu quả. Chính vì vậy, người lao động sau khi vượt qua quá trình tuyển dụng để trở thành nhân viên thực thụ của Công ty phải tham gia đào tạo theo kế hoạch mà Công ty xây dựng hằng năm phù hợp với từng vị trí công việc cũng như năng lực cá nhân. Các lớp đào tạo được Công ty tổ chức không chỉ giúp người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, có thêm những kỹ năng cần thiết mà còn hiểu rõ hơn về văn hóa cũng như cách làm việc của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa hội thảo nội bộ, mục tiêu chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm thực tế giữa các đơn vị với nhau, vừa tiết kiệm chi phí vừa mang lại hiệu quả thiết thực.

Trong năm 2021, Công ty đã triển khai thực hiện 13 khóa đào tạo cho 189 lượt cán bộ công nhân viên. Các khóa đào tạo chủ yếu về kỹ năng bán hàng, dịch vụ và quản lý, với mức kinh phí là 90,1 triệu đồng. Qua đó có thể thấy, Công ty rất chú trọng đến chiều sâu của công tác đào tạo đội ngũ nhân sự.

#### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Để thu hút nhân tài cũng như giữ chân những nhân viên kỳ cựu, Công ty luôn tạo ra những chính sách lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Người lao động khi làm việc tại Công ty sẽ được đảm bảo nhận đầy đủ lương đúng thời gian, tránh các trường hợp trả lương chậm, thiếu sót, gây ra khó khăn kinh tế cho đời sống của cán bộ nhân viên. Đối với những nhân viên có đóng góp nổi bật trong hoạt động kinh doanh sẽ được Công ty ghi nhận và dành riêng các khoản thưởng xứng đáng. Các chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, luôn đảm bảo được đánh giá trên tinh thần công bằng. Từ đó, tạo được động lực giúp nhân viên làm việc hiệu quả hơn.

#### Môi trường làm việc

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường làm việc đối với người lao động, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà môi trường lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty. Công ty luôn hướng đến văn hóa bình đẳng, tạo nên sự thân thiết, hạn chế gò bó để nhân viên có thể làm việc thoải mái nhất, từ đây giúp cho năng suất làm việc tăng cao và có hiệu quả hơn. Bên cạnh việc

được chăm lo về mặt vật chất thì Công ty cũng rất quan tâm đến tinh hình sức khỏe và đời sống tinh thần lao động của nhân viên. Để đảm bảo an toàn sức khỏe cho đội ngũ nhân viên của mình, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như có những khoản trợ cấp hỗ trợ khi cán bộ nhân viên ốm đau, nghỉ thai sản. Ngoài ra, các hoạt động văn nghệ, giao lưu, du lịch cũng được Công ty tổ chức hằng năm nhằm giúp nhân viên có thể giải trí, giảm áp lực trong công việc.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty đã thực hiện được 14/18 hạng mục với giá trị là 6,882 tỷ đồng, đạt được 49,23% so với kế hoạch đầu tư các dự án trong năm:

- Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10 - 14 tấn/h, hệ thống phụ trợ, hệ thống cân đóng túi 1 - 10kg tại Xí nghiệp Vĩnh Thắng với tổng mức đầu tư là 2,56 tỷ đồng.
- Đầu tư hệ thống cân lúa khô đầu vào và cân lúa khô xuống mẻ, hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực lò sấy tại Xí nghiệp Sơn Thuận với tổng mức đầu tư là 700 triệu đồng.
- Đầu tư hệ thống băng tải nhập bến kho 1, 2, 6 và 03 băng tải liệu rời (13m, 10m, 7m) tại Xí nghiệp An Hòa với tổng mức đầu tư là 500 triệu đồng.
- Đầu tư kho lạnh 100 tấn, mái che và nền kho, đầu tư lò luộc cá Inox trên tàu thu mua, đầu tư giàn phơi, vĩ phơi, nhà chờ nhà chứa vĩ phơi, đóng trần nhà xưởng sản xuất tại Xí nghiệp Cá cơm Hòn Chông với tổng mức đầu tư 3,25 tỷ đồng.
- Đầu tư mới phòng thu mua và KCS tại Xí nghiệp Thanh Hưng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Năm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	910.501	916.913	100,70%
2	Doanh thu thuần	3.554.196	4.625.436	130,14%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.204	17.027	56,37%
4	Lợi nhuận khác	(4.050)	779	-19,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	26.153	17.806	68,08%
6	Lợi nhuận sau thuế	23.797	13.827	58,10%
7	Tỷ lệ cổ tức	8,3%	-	-

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,08	1,09
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,31	0,65
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,16	70,47
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	224,26	238,61
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	9,16	11,21
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	3,67	5,06
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,67	0,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,85	5,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,45	1,51
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,85	0,37

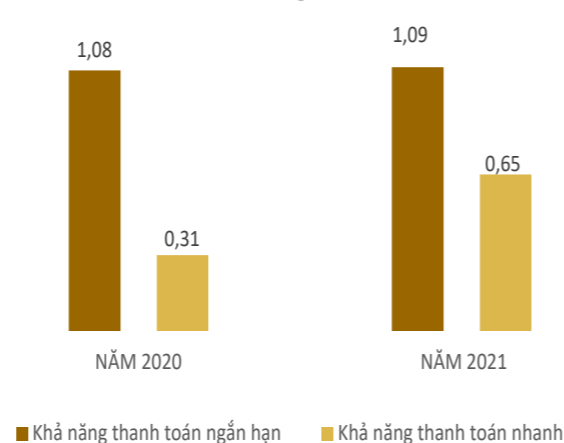
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## (Tiếp theo)

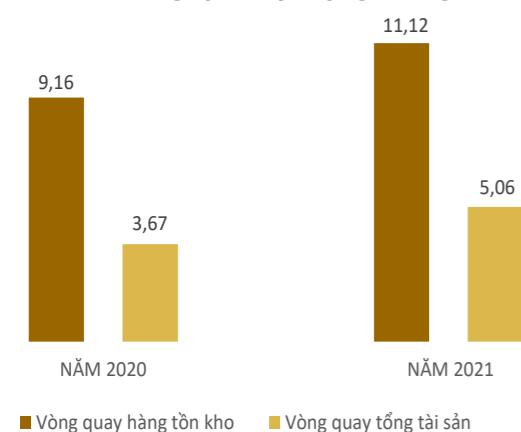
### Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2021 gần như không thay đổi, đạt 1,08 lần trong năm 2020 và tăng nhẹ lên 1,09 lần trong năm 2021. Công ty đã duy trì được sự ổn định về khả năng thanh toán ngắn hạn thông qua việc giữ ổn định về hai khoản mục sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn. Tính đến cuối năm 2021, tài sản ngắn hạn của Công ty chỉ tăng 4,22% và nợ ngắn hạn tăng 2,92%. Tuy hai chỉ tiêu này không thay đổi nhiều, nhưng các chỉ tiêu thành phần có sự thay đổi rõ rệt. Cụ thể, trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì các khoản phải thu năm nay tăng đáng kể chiếm 50,64% tỷ trọng tài sản ngắn hạn, tăng 294,7 tỷ đồng, gấp 5,645 lần tính đến thời điểm cuối năm 2021. Việc khoản phải thu ngắn hạn tăng cao như vậy chủ yếu đến từ các khoản nợ gia tăng của khách hàng, đặc biệt là những khách hàng lớn như Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thanh Nhân (tăng 17,8 tỷ đồng), Louis Dreyfus Asia PTE LTD (tăng 73,1 tỷ đồng), Sikakroabea Co.Ltd (tăng 184,7 tỷ đồng). Ngược lại với khoản phải thu ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền cùng với hàng tồn kho giảm rõ rệt. Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 85,7 tỷ đồng, chỉ đạt 23,48% so với cùng kỳ năm trước. Hàng hóa cốt lõi mà Công ty kinh doanh là gạo, là một loại lương thực rất nhạy cảm với môi trường nhiệt độ xung quanh. Gạo để lâu sẽ bị sinh mốc và ẩm mốc đồng thời mất đi độ dẻo và hương vị ban đầu. Chính vì vậy, trong hoàn cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp trong năm 2021, để tránh rủi ro về chất lượng khi dự trữ quá lâu trong kho, Công ty đã quyết định giảm dự trữ mặt hàng này xuống. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho hàng tồn kho giảm 193 tỷ đồng, tương ứng với 40,12% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, hàng tồn kho giảm mạnh trong khi tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn không thay đổi nhiều là lý do khiến cho khả năng thanh toán nhanh của Công ty tăng. Cụ thể, chỉ tiêu này năm 2021 ở mức 0,65 lần so với mức 0,31 lần năm 2020.

Biểu đồ Khả năng thanh toán (Lần)



Biểu đồ Năng lực hoạt động (Vòng)



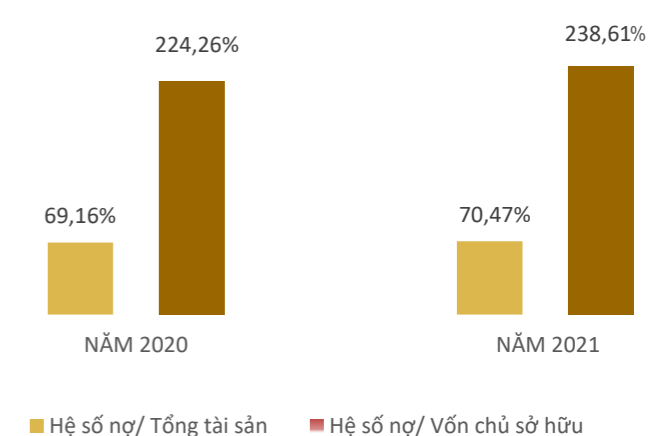
### Năng lực hoạt động

Tuy bị ảnh hưởng từ dịch bệnh nhưng nhờ vào các chiến lược dự phòng nhiều hơn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục hồi nhanh chóng. Có thể thấy điều đó thông qua hai chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2021. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm nay đều lần lượt đạt 11,12 vòng và 5,06 vòng. Là một doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh lương thực, nên việc giải quyết hàng tồn kho nhanh là điều cần đặc biệt chú trọng. Do đó, vòng quay hàng tồn kho tăng gần 2 vòng so với cùng kỳ năm trước khẳng định khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản năm 2021 tăng so với năm 2020 thể hiện Công ty đã có những chiến lược sử dụng hiệu quả tài sản, giúp đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu.

### Cơ cấu vốn

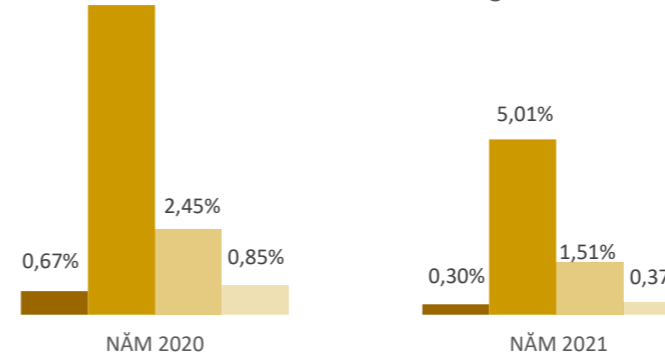
Năm 2021, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được sự ổn định trong cơ cấu vốn, theo đó hệ số Nợ/Tổng tài đạt mức 70,47% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 238,61%. Trong năm, Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng của các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc với tổng giá trị là 1,9 tỷ đồng, và hiện không còn dư nợ dài hạn tại ngày 31/12/2021. Do đó, dư nợ vào cuối năm chỉ còn nợ ngắn hạn, chiếm 100% tỷ trọng tổng nợ. Tính đến cuối năm 2021, Công ty đã tiến hành thanh toán bớt các khoản nợ cho nhà cung cấp như chi trả cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài 157,6 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân 123,9 tỷ đồng. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ xuất khẩu, Công ty đã triển khai ký kết các hợp đồng tín dụng với nhiều ngân hàng như Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam,... nâng tổng mức vay ngắn hạn từ 255,9 tỷ đồng trong năm 2020 lên 530,6 tỷ đồng trong năm 2021. Mức tăng các khoản vay ngắn hạn xấp xỉ bằng với mức giảm khoản phải trả cho các nhà cung cấp nên không gây ra sự thay đổi lớn trong tổng nợ. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của Công ty duy trì ở mức 270,8 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,56% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Công ty vẫn duy trì được chỉ tiêu nợ ở mức ổn định, vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán nhờ vào việc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý, giúp hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.

Biểu đồ Cơ cấu vốn



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần

Biểu đồ Khả năng sinh lời



### Khả năng sinh lời

Trong năm 2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 41,90% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến sự sụt giảm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty. Các chỉ số ROS, ROE và ROA đều giảm, duy trì ở mức 0,30%, 5,01% và 1,51%. Do ảnh hưởng dịch bệnh khiến chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể như phí vận chuyển, thuê kho bãi và bốc vác gia tăng, trực tiếp làm giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã đưa ra những kế hoạch, phương hướng trong thời gian tới đảm bảo hoạt động dần trở lại bình thường khi nền kinh tế quay về trạng thái ổn định.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 25.430.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 25.430.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU:** Không có

**GIAO DỊCH VỎ PHIẾU:** Không có

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:** Không có

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 31/05/2021)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	21.184.800	211.848.000.000	83,3063%
II	Cổ đông lớn	2.543.000	25.430.000.000	10,0000%
1	Trong nước	2.543.000	25.430.000.000	10,0000%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	1.702.200	17.022.000.000	6,6937%
1	Trong nước	1.702.100	17.021.000.000	6,6933%
2	Nước ngoài	100	1.000.000	0,0004%
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>25.430.000</b>	<b>250.430.000.000</b>	<b>100,0000%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

### Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Lương thực miền Nam	333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, Tp. HCM	21.184.800	83,31%
2	Phan Hùng Minh	300 Khuông Việt, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM	2.543.000	10,00%



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TUÂN THỦ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về bảo vệ môi trường là vấn đề luôn được mọi người quan tâm, khách hàng ngày nay có xu hướng lựa chọn những sản phẩm xanh, những doanh nghiệp có lối kinh doanh thân thiện với môi trường để gắn bó. Sản phẩm chủ lực mà Công ty kinh doanh là gạo, cá cơm, chịu sự ảnh hưởng lớn đến từ môi trường. Một môi trường tốt sẽ giúp chất lượng cây trồng và thủy hải sản tăng cao. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của môi trường đối với sản phẩm kinh doanh, hình ảnh doanh nghiệp, Công ty luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty khuyến khích người lao động tích cực tham gia các phong trào hành động vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức. Đồng thời, Công ty cũng cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo đúng Luật Môi trường, hạn chế những hành vi tác động tiêu cực đến môi trường.



### TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngày nay, thành công của một doanh nghiệp không chỉ là đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, lợi ích cổ đông mà còn phải tạo ra giá trị lợi ích cho xã hội. Do đó, Công ty luôn chú trọng các hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Tiêu biểu là Công ty đã tích cực tạo việc làm cho người dân địa phương, giúp người dân có thu nhập ổn định, đảm bảo được chất lượng cuộc sống, phần nào giải quyết được áp lực việc làm cho chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, Công ty còn trích một phần lợi nhuận để hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn cũng như tạo điều kiện đóng góp vào các quỹ phát triển, các dự án xây dựng của địa phương.

### TIÊU THỤ NGUỒN NĂNG LƯỢNG

Hầu hết mọi hoạt động của Công ty đều cần dùng đến điện năng. Vì vậy, chi phí chi trả cho nguồn năng lượng này là không nhỏ. Bên cạnh nguồn điện năng thì xăng, dầu cũng rất cần thiết trong các công tác vận chuyển hàng hóa. Do đó, Công ty luôn chú trọng trong việc sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nhằm giảm thiểu chi phí. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đưa ra các chính sách quản lý nguồn năng lượng thích hợp. Thông qua các công tác tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ, người lao động của Công ty ngày càng nâng cao ý thức trong việc sử dụng điện cũng như các loại năng lượng khác. Để đạt hiệu quả cao hơn trong việc tiết kiệm năng lượng, Công ty định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc và tiến hành bảo trì đúng kỳ hạn. Đối với các thiết bị đã cũ, Công ty sẽ tìm giải pháp thay thế bằng các thiết bị mới tiết kiệm nhiên liệu, tránh tình trạng thất thoát điện năng, lãng phí tài nguyên quốc gia. Hằng năm, Công ty hưởng ứng chương trình “Giờ Trái Đất”, góp phần nâng cao tinh thần tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường.





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty thì cần nhất là nguồn nguyên vật liệu chất lượng và có sự cung cấp liên tục. Việc thiếu hụt nguyên vật liệu hay không đảm bảo được chất lượng sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình chế biến cũng như sản lượng cung cấp không đủ cho thị trường. Vấn đề này đòi hỏi Công ty phải có kế hoạch quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả. Công ty luôn chú trọng trong công tác lựa chọn nguồn nguyên vật liệu, ưu tiên những nơi cung cấp uy tín, đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho khách hàng và môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thiết lập những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.



### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cạnh tranh ở thời đại 4.0 không chỉ là cạnh tranh về nguồn vốn, tài nguyên mà yếu tố quyết định là nhân lực. Nguồn nhân lực phải có chất lượng cao về mặt trí tuệ, kinh nghiệm, kỹ năng, tính năng động, sáng tạo,... Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với việc phát triển bền vững, Công ty luôn chú trọng quan tâm, chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Công ty tích cực tạo điều kiện tối đa nhằm hỗ trợ người lao động về mọi mặt. Các chính sách nhân sự và môi trường làm việc được Công ty xây dựng và thực hiện đầy đủ, cam kết dài lâu. Công ty thể hiện trách nhiệm với người lao động dựa trên 3 yếu tố chủ yếu:

#### **An toàn, sức khỏe**

Bên cạnh việc thực hiện các chế độ cơ bản đối với người lao động tuân thủ theo đúng pháp luật, người lao động còn được Công ty quan tâm chăm sóc về sức khỏe, tinh thần. Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi khám sức khỏe chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp để nắm bắt tình trạng sức khỏe của người lao động. Đối với các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại, Công ty sẽ có chính sách phụ cấp riêng theo đúng quy định. Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội, Công ty giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ bệnh tật, chế độ thai sản,... Đồng thời, Công ty cũng có chính sách hỗ trợ chi phí bệnh viện đối với những cán bộ nhân viên có vấn đề sức khỏe. Trong quá trình công tác tại Công ty, người lao động sẽ được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc, tham gia các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu – cấp cứu, vệ sinh – an toàn thực phẩm,... Ngoài ra, Công ty thường tổ chức các hoạt động thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện sức khỏe.

#### **Đảm bảo công bằng**

Công bằng trong môi trường làm việc là một vấn đề hàng đầu được người lao động quan tâm. Điều này không chỉ tạo ra tâm lý cống hiến hết mình mà còn thúc đẩy nhân viên làm việc hiệu quả hơn. Thấu hiểu được mối quan tâm của người lao động, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn hướng đến văn hóa công bằng trong môi trường làm việc. Các công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển được đánh giá trên cơ sở bình đẳng, minh bạch. Định kỳ, Công ty sẽ tổ chức các đợt đánh giá năng lực dựa trên nhiều tiêu chí, đi kèm với khen thưởng và xử phạt. Ngoài ra, người lao động còn được tham gia tổ chức công đoàn để được bảo vệ quyền lợi. Công ty đảm bảo luôn lắng nghe, tôn trọng ý kiến và tận tình giải đáp mọi thắc mắc của người lao động.

#### **Cơ hội phát triển**

Người lao động trong Công ty được đảm bảo thực hiện các chính sách đào tạo, được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực làm việc. Chính sách lương, thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp với đóng góp và trách nhiệm của từng vị trí công việc đối với hoạt động của Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất làm việc. Thông qua các chương trình thi đua khen thưởng, Công ty tạo được sự cạnh tranh lành mạnh cho cán bộ nhân viên, thúc đẩy tinh thần làm việc đạt hiệu quả cao. Hằng năm, người lao động còn được tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao chất lượng công việc, từ đó tạo nên môi trường làm việc ngày càng chuyên nghiệp. Sau mỗi khóa huấn luyện, cán bộ nhân viên sẽ được đánh giá. Đây được xem là bước đệm cần thiết trong phát triển năng lực cá nhân của cán bộ nhân viên.



CEO

*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với mọi ngành nghề khi dịch Covid-19 bùng phát nhanh hơn khiến cho các hoạt động cung ứng – tiêu thụ bị đứt gãy, đặc biệt là thời điểm Quý III/2021. Tuy nhiên, dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định nhờ vào công tác tích cực ngăn chặn dịch bệnh với sự phối hợp của chính quyền và người dân. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020, đây là một thành công to lớn của Việt Nam trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất kinh doanh. Trong bức tranh chung đó, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 có thuận lợi và khó khăn đan xen giữa các ngành hàng, đặc biệt là ngành gạo - ngành hàng chủ lực của Công ty, cụ thể là:



#### Thuận lợi

Nhờ có sự quan tâm hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam cùng với sự chỉ đạo, định hướng thích hợp với tình hình thực tế của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên đã triển khai tốt, đưa Công ty vượt qua thời gian khó khăn bởi dịch bệnh. Bên cạnh đó, nhờ vào mối quan hệ gắn bó lâu dài với khách hàng trong nước lẫn quốc tế được Công ty xây dựng từ khi thành lập, Công ty đã mau chóng vực dậy khi hoạt động thương mại phục hồi. Ngoài ra, Công ty còn nhận được hỗ trợ từ các ngân hàng thương mại khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giúp Công ty kịp thời giải quyết được nhu cầu vốn theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn đưa ra những kế hoạch dự phòng để hạn chế những rủi ro cũng như luôn theo dõi sát sao các biến động từ thị trường để có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời. Đặc biệt là trong vụ Đông Xuân 2021, Ban Lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt công tác dự báo thời vụ thu hoạch rộ, giá thấp, từ đó xây dựng kế hoạch mua bán với mức giá hợp lý, mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

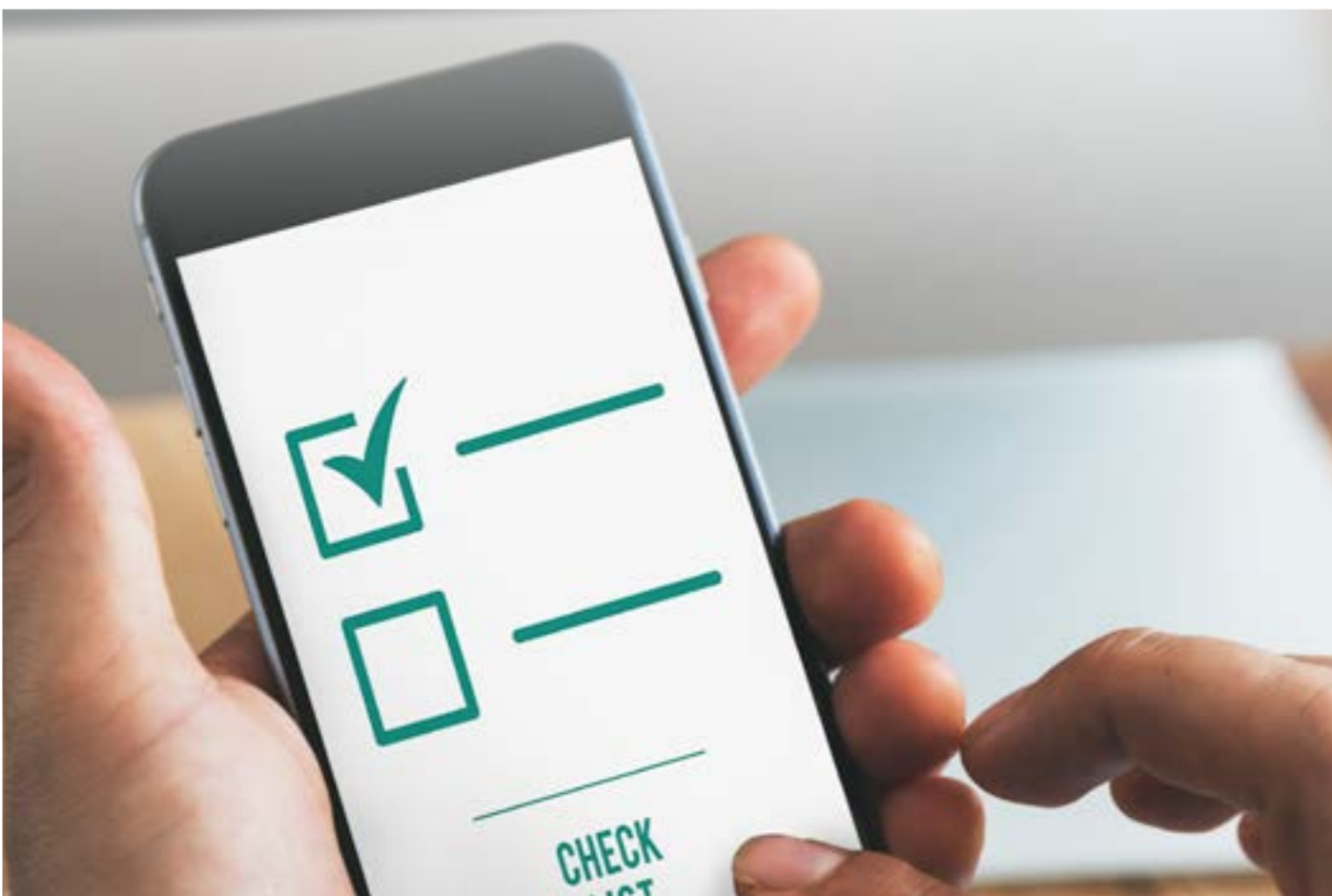
#### Khó khăn

Tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, mức độ lây nhiễm nhanh và lan rộng. Việc thực hiện các biện pháp bắt buộc như giãn cách xã hội, cách ly, phong tỏa... để phòng chống dịch đã làm đứt gãy các chuỗi liên kết thương mại, giá lúa gạo trong và ngoài nước biến động không như dự đoán thường lệ, đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hợp đồng thương mại đã ký, nhiều đơn hàng bị gia hạn hoặc bị hủy, hàng đã đưa lên cảng phải chuyển về nhập kho do thủy thủ đoàn bị nhiễm bệnh,...phát sinh chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty ở cả ba ngành hàng. Mặt khác, sau thời gian sản xuất cầm chừng để thực hiện giãn cách, ứng phó với dịch bệnh, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nhanh chóng phục hồi sản xuất nhưng lại phải đối mặt với mức giá cước vận chuyển tăng cao. Giá cước vận chuyển nội địa tăng trên 30%, các phương tiện từ chối nhận chuyển hàng lên cảng do lo ngại nhiễm bệnh, cước container và cước tàu biển tăng 2-3 lần. Việc tăng giá cước vận chuyển và khan hiếm container khiến cho Công ty khó chào bán sản phẩm đến các thị trường quốc tế đồng thời tác động đến chi phí bán hàng của Công ty. Là một doanh nghiệp xuất khẩu, việc vận chuyển hàng hóa của Công ty diễn ra cả trong và ngoài nước nên biến động giá cước vận chuyển sẽ tác động lớn đến lợi nhuận của Công ty. Tình hình sản xuất trong nước cũng gặp không ít khó khăn do tình trạng thiếu hụt công nhân trong khâu thu gom lúa, nhập lúa gạo tại các nhà máy sấy, xay xát, lau bóng và khâu đóng gói, xếp hàng ảnh hưởng lớn đến tiến độ giao hàng của toàn Công ty.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp theo)

### NHỮNG TIẾN BỘ MÀ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động ngày càng được hoàn thiện hơn, từ đó tạo nên nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu đã đặt ra. Công ty có sự phân chia rõ ràng về mục đích, chức năng theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ từng phòng ban. Qua mỗi năm, Công ty đánh giá được sự tiến bộ của các phòng ban. Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt của Công ty, ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, công tác quản lý nhân lực luôn được Ban Lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Công ty ưu tiên lựa chọn những lao động vừa tạo ra năng suất cao vừa đảm bảo được chất lượng công việc. Khối nhân sự của Công ty được phân công công việc theo đúng mục đích, khả năng và chuyên môn, hạn chế tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Để tạo ra động lực thúc đẩy người lao động tích cực làm việc, cống hiến cho Công ty, Kigimex thực hiện các chính sách khen thưởng, tuyên dương đối với mỗi cá nhân, tập thể phòng ban có thành tích cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện gắn kết các nhân viên, phòng ban với nhau, tạo nên môi trường làm việc thoải mái, gắn gũi trên tinh thần đoàn kết cho đội ngũ lao động.



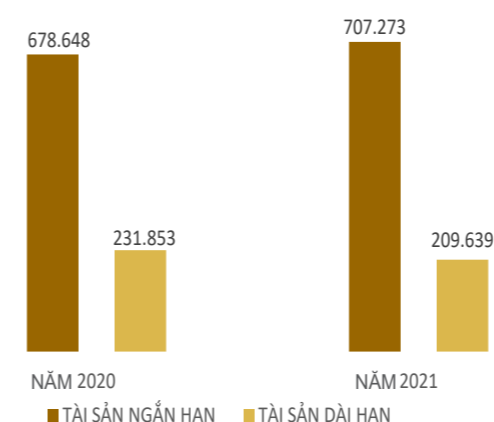
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Thực hiện 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>678.648</b>	<b>707.273</b>	<b>104,22%</b>	<b>74,54%</b>	<b>77,14%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	112.004	26.300	23,48%	12,30%	2,87%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-
3	Phải thu ngắn hạn	63.456	358.183	564,46%	6,97%	39,06%
4	Hàng tồn kho	481.181	288.135	59,88%	52,85%	31,42%
5	Phải thu ngắn hạn khác	22.006	34.654	157,47%	2,42%	3,78%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>231.853</b>	<b>209.639</b>	<b>90,42%</b>	<b>25,46%</b>	<b>22,86%</b>
1	Phải thu dài hạn	48	48	100%	0,01%	0,01%
2	Tài sản cố định	175.524	153.074	87,21%	19,28%	16,69%
3	Tài sản dở dang dài hạn	1.356	1.356	100%	0,15%	0,15%
4	Tài sản dài hạn khác	54.925	55.161	100,43%	6,03%	6,02%
<b>Tổng tài sản</b>		<b>910.499</b>	<b>916.913</b>	<b>100,70%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Biểu đồ Tổng tài sản (Triệu đồng)



Quy mô tài sản năm 2021 của Công ty gần như không thay đổi nhiều, tăng với tỷ lệ không đáng kể khoảng 0,70% tương đương 6,4 tỷ đồng so với năm 2020. Tính đến thời điểm cuối năm 2021, tài sản ngắn hạn tăng 4,22%, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản với mức tỷ trọng lên đến 77,14%. Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm nay chủ yếu đến từ khoản phải thu ngắn, đặc biệt là các khoản nợ của khách hàng lớn như Công ty Cổ phần Chế biến Lương thực Thanh Nhân, Louis Dreyfus Asia PTE LTD, Sika-kroabea Co.Ltd,...

Bên cạnh đó, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng thấp hơn trong cơ cấu tài sản và giảm 22,2 tỷ đồng, tương ứng với 9,58% so với năm trước với nguyên nhân là do Công ty đã trích khấu hao tài sản cố định trên 25,2 tỷ đồng.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

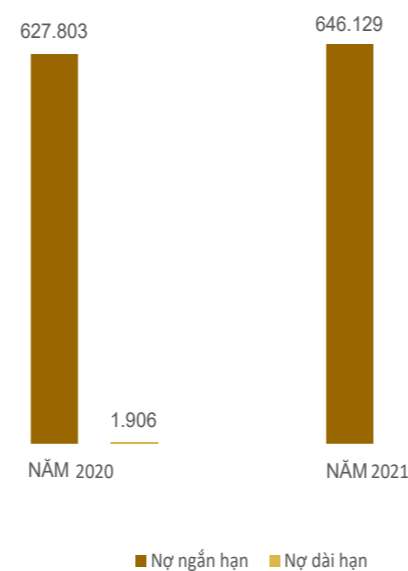
### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Thực hiện 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
I	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>627.803</b>	<b>646.129</b>	<b>102,92%</b>	<b>99,70%</b>	<b>100%</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	288.974	8.946	3,10%	45,89%	1,38%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	54.986	82.365	149,79%	8,73%	12,75%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.445	744	51,47%	0,23%	0,12%
4	Phải trả người lao động	11.127	9.601	86,28%	1,77%	1,49%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.465	2.386	96,79%	0,39%	0,37%
6	Phải trả ngắn hạn khác	8.501	8.544	100,51%	1,35%	1,32%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	255.947	530.630	207,32%	40,65%	82,12%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.271	-	0%	0,52%	0%
9	Quỹ thưởng phúc lợi	1.088	2.913	267,83%	0,17%	0,45%
II	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.906</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>0,30%</b>	<b>0%</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.906	-	0%	0,30%	0%
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>629.709</b>	<b>646.129</b>	<b>0%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

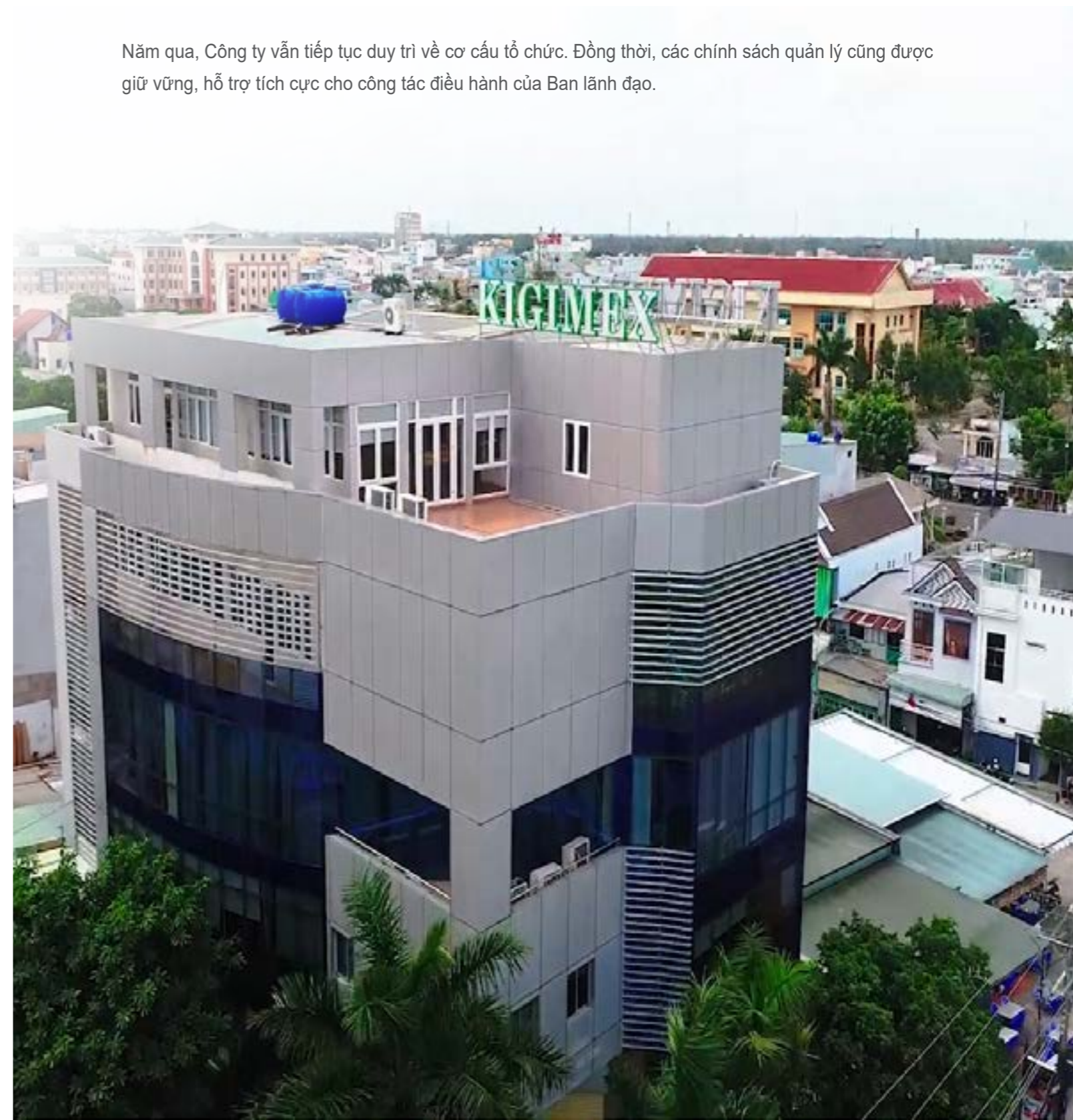
Trong năm 2021, nợ phải trả chỉ bao gồm nợ ngắn hạn do Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ dài hạn trong năm. Tính đến thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn tăng nhẹ khoảng 2,92%, tương đương với 18.325 triệu đồng. Trong đó, chiếm phần lớn đến từ nguồn nợ vay ngắn hạn với mức tỷ trọng 82,12% tổng nợ ngắn hạn, tăng hơn gấp đôi so với năm trước, cụ thể tăng 274,7 tỷ đồng. Nguyên nhân vay ngắn hạn tăng là do Công ty phát sinh nhu cầu sử dụng vốn phục vụ cho các hoạt động kinh doanh cũng như bổ sung vốn lưu động. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả nhà cung cấp cũng được Công ty thanh toán gần hết, khoảng 96,90% đã được Công ty chi trả tương ứng với 280 tỷ đồng. Trong một năm đầy thách thức vừa qua do ảnh hưởng từ dịch bệnh, Công ty đã có những biện pháp kiểm soát các khoản nợ tương đối tốt, duy trì sự ổn định.

Biểu đồ Nợ phải trả (Triệu đồng)



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty vẫn tiếp tục duy trì về cơ cấu tổ chức. Đồng thời, các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban lãnh đạo.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2021	% Kế hoạch 2022/ Thực hiện 2021
<b>I Sản lượng mua vào</b>					
1	Lương thực	Tấn	250.000	340.385	80,79%
2	Cá cơm	Tấn	1.120	1.141	105,17%
3	Xăng, dầu	Triệu lít	20	19,210	119,73%
<b>II Sản lượng bán ra</b>					
1	Lương thực	Tấn	250.000	348.571	78,89%
2	Cá cơm	Tấn	280	319	94,04%
3	Xăng, dầu	Triệu lít	20	19,101	120,41%

Căn cứ theo tình hình thực tế trên thị trường, Công ty đã đặt ra các mục tiêu cụ thể cho từng ngành hàng. Cùng với đó, Công ty đã lên kế hoạch để đạt được mức doanh thu trong năm 2022 là 3.450 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 10,9 tỷ đồng. Để thực hiện được những mục tiêu đã đặt ra, Công ty nỗ lực không ngừng trong các công tác tiếp thị với khách hàng, công tác điều hành quản lý kinh doanh và công tác quản lý nguyên vật liệu một cách hiệu quả nhất.

Công ty tích cực xây dựng các chiến lược tiếp cận với khách hàng mới cũng như duy trì khách hàng cũ. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng tìm hiểu để nắm bắt nhu cầu của khách hàng trong nước và khách hàng quốc tế. Các sản phẩm ngày càng được Công ty mở rộng phát triển nhiều hơn, nhằm tạo cho khách hàng nhiều sự lựa chọn thích hợp với nhu cầu của mỗi người. Đồng thời, Công ty luôn nghiêm túc thực hiện "Chính sách chất lượng", đảm bảo an toàn từ khâu nhập nguyên vật liệu đến khâu cho ra thành phẩm. Đối với các công tác quản lý nguyên vật liệu, Công ty thường xuyên theo dõi và lên các kế hoạch để tính toán kỹ các mức giá mua vào và bán ra phù hợp nhất. Các nguyên vật liệu sau khi thu mua được Công ty bảo quản theo đúng chính sách đã đặt ra về thời gian, phương thức bảo quản, tránh các tình trạng gây hư, hỏng nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty cũng rất đề cao công tác quản lý kinh doanh. Thông qua cuộc họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh để triển khai thực hiện trong năm tới. Từ tình hình thực tế trong năm, Công ty đã dự phòng các phương hướng trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu rủi ro nhất có thể.



*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*



## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2021

Năm 2021, với sự tác động tiêu cực của dịch Covid-19 khiến cho nền kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp, khó kiểm soát. Trong thời gian qua, Công ty không chỉ phải đối mặt với khó khăn khi thương mại toàn cầu bị đứt gãy trong suốt nhiều tháng mà còn phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt cả trong và ngoài nước sau khi khôi phục nền kinh tế. Nhưng với sự quyết tâm, tập thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực tối đa để thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng quản trị giao phó một cách tốt nhất, giúp Công ty nhanh chóng vực dậy sau thời gian khó khăn bởi ảnh hưởng dịch bệnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn tích cực phần đầu trong quá trình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý tài chính và xây dựng chiến lược phát triển nhằm đưa thương hiệu của Công ty vươn xa hơn trong tương lai. Công ty đã rất thành công trong việc duy trì mối quan hệ

lâu dài với khách hàng cũ cũng như thu hút được thêm một lượng khách hàng mới, chủ yếu là nhờ vào các chính sách dành cho từng đối tượng khách hàng cùng với chất lượng của sản phẩm thỏa điều kiện đáp ứng cho khách hàng. Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm, kịp thời loại bỏ những sản phẩm kém chất lượng trước khi đưa đến tay khách hàng. Qua đó thấy được Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, ưu tiên lựa chọn nguồn nguyên liệu an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng, đảm bảo luôn tuân thủ vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện tốt mục tiêu tối thiểu chi phí để tối đa lợi nhuận thông qua các công tác tập trung quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất, giá thành, tiết giảm chi phí bán hàng, mục tiêu chi phí cạnh tranh, hiệu quả, lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực với chi phí tối ưu...

### VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm qua, Công ty thực hiện tốt các công tác nghiên cứu thị trường về ngành hàng mà Công ty kinh doanh. Cùng với việc nắm bắt những biến động trên thị trường, Công ty đã phân tích xu hướng giá và nhu cầu của khách hàng đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác khai thác khách hàng mới, đồng thời tăng cường chăm sóc khách hàng truyền thống. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày nay, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, lựa chọn nguồn nguyên vật liệu trên nhiều tiêu chí tránh tình trạng nguyên vật liệu chất lượng thấp làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện đạt, vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2021 như sau:

STT	Ngành hàng	Đơn vị	Sản lượng mua vào	% Sản lượng mua vào		Sản lượng bán ra	% Sản lượng bán ra	
				So với kế hoạch	So với cùng kỳ		So với kế hoạch	So với cùng kỳ
1	Lương thực	Tấn	340.385	123,78%	114,22%	348.571	126,75%	123,09%
2	Cá cơm (quy t i)	Tấn	1.141	95,08%	65,95%	319	108,50%	76,87%
3	Xăng, dầu	Triệu lít	19,21	83,52%	84,44%	19,101	83,05%	88,79%



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

### Về đầu tư xây dựng

Công ty triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt, đảm bảo các quy trình thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật. Công ty ưu tiên đầu tư các hạng mục, dự án cấp thiết, đảm bảo tiết kiệm, đúng nhu cầu và mang lại hiệu quả.



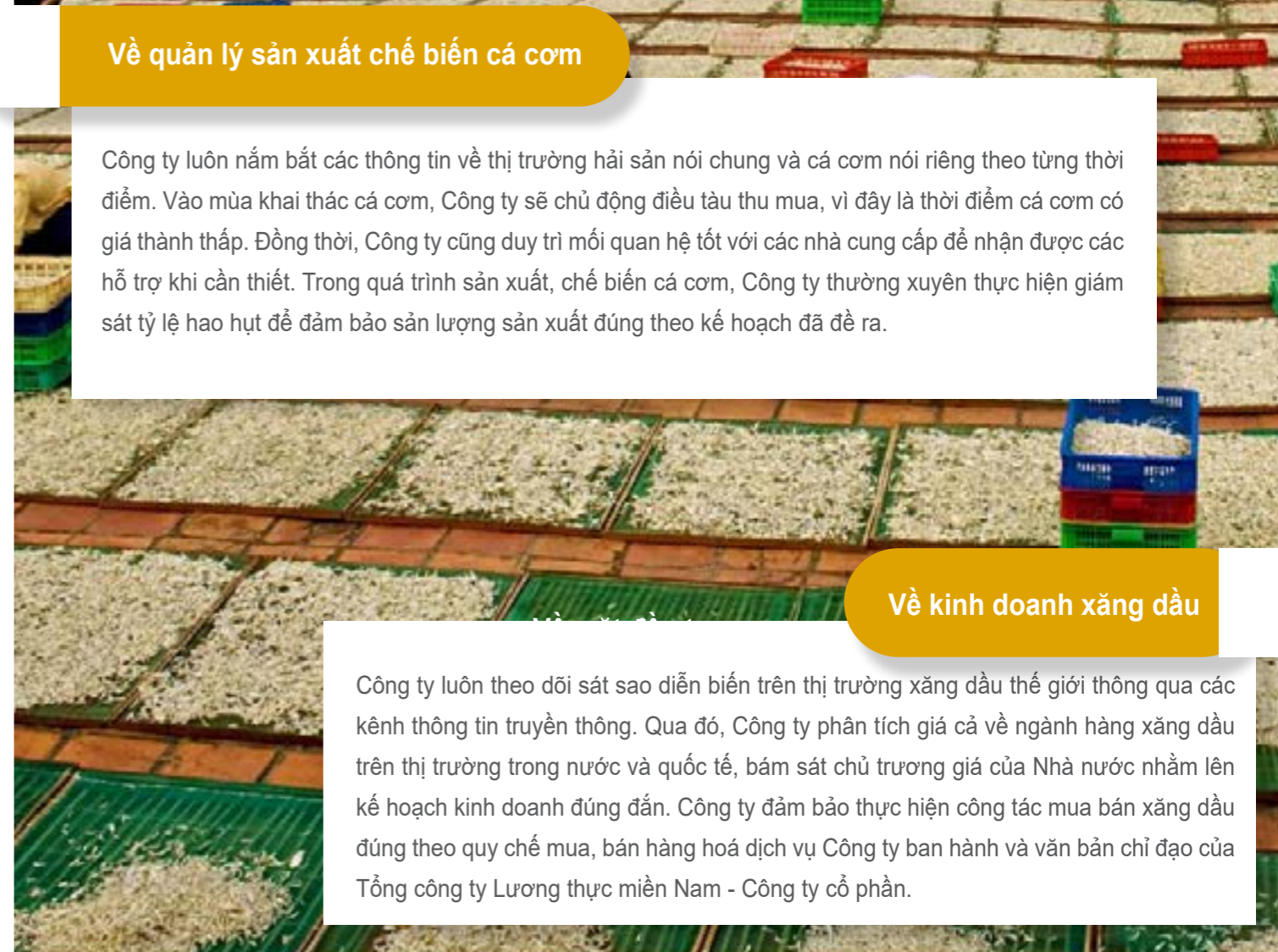
### Về sản xuất chế biến lương thực

Công ty luôn bám sát thị trường nhằm đưa ra các kế hoạch kinh doanh dựa trên tình hình thực tế. Quá trình xử lý sản xuất lương thực của Công ty đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế từ các khâu nhập nguyên liệu, chế biến đến đóng gói. Công ty cam kết sản phẩm đưa đến tay người tiêu dùng tuân thủ an toàn vệ sinh thực phẩm. Đặc biệt, Công ty thường xuyên lên kế hoạch thu mua, đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên cơ sở giá nguyên vật liệu đầu vào thích hợp, tiết kiệm chi phí, chất lượng đạt yêu cầu.



### Về quản lý sản xuất chế biến cá cơm

Công ty luôn nắm bắt các thông tin về thị trường hải sản nói chung và cá cơm nói riêng theo từng thời điểm. Vào mùa khai thác cá cơm, Công ty sẽ chủ động điều tàu thu mua, vì đây là thời điểm cá cơm có giá thành thấp. Đồng thời, Công ty cũng duy trì mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp để nhận được các hỗ trợ khi cần thiết. Trong quá trình sản xuất, chế biến cá cơm, Công ty thường xuyên thực hiện giám sát tỷ lệ hao hụt để đảm bảo sản lượng sản xuất đúng theo kế hoạch đã đề ra.



### Về kinh doanh xăng dầu

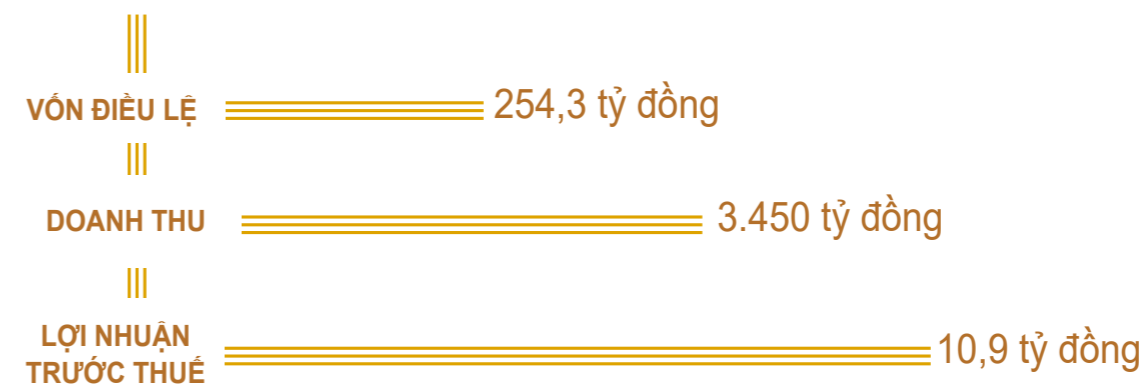
Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến trên thị trường xăng dầu thế giới thông qua các kênh thông tin truyền thông. Qua đó, Công ty phân tích giá cả về ngành hàng xăng dầu trên thị trường trong nước và quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước nhằm lên kế hoạch kinh doanh đúng đắn. Công ty đảm bảo thực hiện công tác mua bán xăng dầu đúng theo quy chế mua, bán hàng hoá dịch vụ Công ty ban hành và văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Kết thúc năm 2021, Hội đồng quản trị đánh giá về Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm theo đúng Điều lệ của Công ty, quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong suốt quá trình lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày. Thông qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng nhận thấy Ban Tổng Giám đốc luôn có sự theo dõi sát sao, bám sát kế hoạch kinh doanh để triển khai thực hiện và đưa ra các giải pháp phù hợp với diễn biến thực tế sự thay đổi liên tục của thị trường, luôn đảm bảo hoàn thành các báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn. Trong điều kiện kinh doanh gặp không ít khó khăn bởi ảnh hưởng từ làn bùng phát dịch thứ tư Covid-19 trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã có những biện pháp kịp thời trong công tác phòng chống dịch Covid-19 (tiết giảm chi phí, tăng cường kiểm soát dịch,...). Qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đánh giá tóm lược tình hình kinh doanh, từ đó đưa ra các kế hoạch, định hướng cho Công ty trong thời gian tới. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần làm việc có trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên trong mọi hoạt động của Công ty.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2022 là 14,770 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn vay 9,954 tỷ đồng
- Vốn Công ty và Quỹ đầu tư phát triển 4,816 tỷ đồng.

### Nhiệm vụ trong năm 2022

Năm 2022 với phương châm hành động “Đoàn kết – Dân chủ - Kỷ cương – Chất lượng - Hiệu quả”, trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2022, Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 như sau:

- Tổ chức triển khai hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tuân thủ việc báo cáo, xin ý kiến Công ty mẹ về các nội dung thuộc thẩm quyền Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định của Công ty mẹ.
- Tuân thủ Điều lệ công ty, quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật Nhà nước trong tổ chức lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong mua, bán hàng hóa xuất nhập khẩu, tuân thủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của các nhà đầu tư, đặc biệt là phần vốn góp của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần đầu tư tại Công ty với tỷ lệ 83,31% vốn điều lệ.
- Tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ các quy định hiện hành về công tác quản lý tài chính, kế toán trong toàn Công ty, đặc biệt là các chỉ số tài chính để kịp thời cảnh báo và đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Công ty.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, thường xuyên kiểm tra, phòng ngừa, hạn chế rủi ro.
- Thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chỉ đạo, chủ trương của Công ty mẹ để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*

**QUẢN TRỊ  
CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	Số lượng cổ phần sở hữu đại diện	Tỷ lệ sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu đại diện
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000	7.628.664	0,04%	30%
2	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị	101.500	5.927.472	0,40%	23,31%
3	Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	251.600	5.085.776	0,99%	20%
4	Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	2.543.000	0	10,00%	0%
5	Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	51.700	2.542.888	0,20%	10,00%

### THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị	26/04/2019	29/04/2021
Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	29/04/2021	-

### LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị: (Xem lại phần trình bày lý lịch Ban điều hành)
- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem lại phần trình bày lý lịch Ban điều hành)

### Ông Đoàn Huỳnh Dũng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 02/01/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngoại thương

09/1985 - 07/2000	Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
08/2000 - 01/2003	Phó quản đốc Nhà máy Chế biến gạo Xuất khẩu 1 A, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
02/2003 - 05/2005	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Hiệp, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
06/2005 - 01/2006	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
02/2006 - 05/2010	Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Hiệp.
06/2010 - 11/2013	Giám đốc Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
12/2013 - 06/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2016 đến nay	Người đại diện vốn của Tổng công ty lương thực miền Nam tại công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.638.664 cổ phần, chiếm 30,04% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 7.628.664 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

### Ông Phan Hùng Minh

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 04/04/1973

Quốc tịch: Việt Nam

1989 – đến nay	Giám đốc Công ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh
07/2016 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.543.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 2.543.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

**Bạch Ngọc Văn**

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 28/10/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh

1997 - 1998	Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu Công ty Rau quả TP. HCM.
1998 - 1999	Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dụng cụ y khoa quận 1, TP. HCM.
01/2000 - 03/2000	Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quận 10, TP. HCM.
04/2000 - 05/2000	Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
05/2000 - 04/2002	Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
05/2002 - 05/2004	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
06/2004 - 12/2005	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
01/2005 - 12/2007	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
01/2008 - 06/2010	Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2010 - 03/2011	Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
04/2011 - 02/2016	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
03/2016 - 06/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2016 - 10/05/2018	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
11/05/2018 đến nay	Phó TGD Tổng công ty Lương thực miền Nam, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
07/2016 đến nay	Người đại diện vốn của Tổng công ty lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần tại Công ty.
9/2018 - 22/10/2021	Ủy viên HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.337.376 cổ phần, chiếm 20,99% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 5.085.776 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

### CÁC TIÊU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của Hội đồng quản trị. Từ đó, Hội đồng quản trị ban hành những nghị quyết dựa trên những vấn đề phát sinh trong năm qua, tham gia đóng góp đưa ra các kế hoạch phù hợp cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, công tác đầu tư, xây dựng của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng thống nhất linh hoạt trong việc chỉ đạo sao cho hợp lý, thực hiện giao nhiệm vụ và các nguồn lực cần thiết để Ban điều hành triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm chỉnh các buổi thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

#### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	13/13	100%	
2	Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	13/13	100%	
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	13/13	100%	
4	Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	11/13	84,62%	Bận công việc đột xuất và dịch bệnh
5	Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	8/8	100%	
6	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị	4/5	80%	Bận công việc đột xuất và dịch bệnh

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra các nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/NQ-XNK-HĐQT	10/03/2021	V/v lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
2	11/NQ-XNK-HĐQT	16/03/2021	V/v ký hợp đồng mua bán xuất khẩu cung ứng cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thuận Minh.
3	15/NQ-XNK-HĐQT	25/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 và thế chấp tài sản tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc.
4	17/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt huy động hạn mức tín dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 và thế chấp tài sản các ngân hàng.
5	19/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở Miền Nam.
6	21/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.
7	23/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang.
8	25/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.
9	27/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.
10	29/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.
11	31/NQ-XNK-HĐQT	29/03/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	33/NQ-XNK-HĐQT	02/04/2021	V/v phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
13	38/NQ-XNK-HĐQT	28/04/2021	V/v thông qua chương trình, tài liệu trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
14	51/NQ-XNK-HĐQT	29/04/2021	V/v Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Bị nhiệm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026.
15	57/NQ-XNK-HĐQT	10/05/2021	V/v Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
16	68/NQ-XNK-HĐQT	10/06/2021	V/v chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
17	77/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc.
18	78/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.
19	79/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.
20	80/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.
21	81/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh.
22	82/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.
23	83/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang.
24	84/NQ-XNK-HĐQT	15/06/2021	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Hội sở Miền Nam.
25	88/NQ-XNK-HĐQT	22/07/2021	V/v phê duyệt chủ trương thực hiện phương án 3 tại chỗ và đóng góp ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19.
26	101/NQ-XNK-HĐQT	27/12/2021	V/v chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 về Tổng công ty.

**BAN KIỂM SOÁT****DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban kiểm soát	11.500	0,045%
2	Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban kiểm soát	8.600	0,034%
3	Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	2.100	0,008%

**LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT****Bà Trần Thị Mai Trinh**

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 25/01/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán

1995 - 04/2001	Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang
05/2001 - 03/2011	Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang
04/2011 - 08/2011	Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang
09/2011 - 06/2016	Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
04/2021 đến nay	Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam- Công ty Cổ phần tại Công ty
07/2016 - đến nay	Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 11.500 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 11.500 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Ông Nguyễn Trường Giang**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 17/11/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán Tổng hợp

20/09/2004 - 31/10/2007	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
01/11/2007 - 12/2007	Nhân viên Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Kiên Long
15/12/2008 - 31/03/2009	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
01/04/2009 - 27/05/2010	Quyền Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
28/05/2010 - 08/09/2014	Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
09/09/2014 - 31/03/2016	Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
01/04/2016 - 04/02/2018	Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận
05/02/2018 - 27/4/2021	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán
29/4/2021 đến nay	Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần tại công ty, phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty kiêm thành viên ban kiểm soát Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Trần Tú Khanh	Vợ	8.600 cổ phần	0,034% Vốn điều lệ
---------------	----	---------------	--------------------

## BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

### Bà Vũ Thị Minh Hiền

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát  
Ngày sinh: 10/10/1970  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán

10/10/1994 - 01/02/2002 Nhân viên, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông  
01/02/2002 - 01/04/2011 Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông  
01/04/2011 - 30/08/2016 Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông  
01/01/2013 - 30/08/2016 Phó Giám đốc kiêm Tổ Trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông  
Từ 31/08/2016 đến nay Phó trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh  
Từ 29/04/2021 đến nay **Ng i i d i n c a TCTY t i CTy, phó tr ng phòng TCHC kiêm Thành viên BKS CTy .**

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.100 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Họ tên	Em dâu	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn điều lệ
Vũ Thị Thu Hòa	Em dâu	5.600 cổ phần	0,022% Vốn điều lệ

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban kiểm soát	29/04/2021	-
Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	29/04/2021	-
Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	-	29/04/2021
Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	-	29/04/2021

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%
2	Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
3	Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
4	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	1/1	100%
5	Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	1/1	100%

### Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm qua, Ban kiểm soát luôn tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị để đưa ra ý kiến thảo luận, các đề xuất cho Hội đồng quản trị như công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các báo cáo tài chính của Công ty. Đồng thời, Ban Kiểm soát Công ty thực hiện thường xuyên hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Định kỳ, Ban kiểm soát xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với mỗi quý, năm và thực hiện kiểm tra định kỳ theo đúng kế hoạch, thực hiện báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Ban kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm qua. Tại các buổi họp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều tham gia đóng góp ý kiến cũng như báo cáo về công tác kiểm soát. Ban điều hành luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát có thể thực hiện công tác kiểm soát thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ một cách chính xác và đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thành viên	Chức danh	Tổng lương (hoặc thù lao)	Thường
<b>I Hội đồng quản trị</b>				
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	502.200.000	-
2	Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000	50.400.000
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000	-
4	Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000	18.000.000
5	Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	56.000.000	-
<b>II Ban kiểm soát</b>				
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	362.700.000	-
2	Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	32.000.000	-
3	Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	32.000.000	-
<b>III Ban điều hành</b>				
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc	502.200.000	-
2	Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	362.700.000	-
3	Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	292.950.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

*“Ấm no cùng  
gạo Việt”*



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

#### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 44

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**T.M. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**  


**Dương Thị Thanh Nguyệt**



Số: 160222.001 /BCTC.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2019-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>707.273.162.944</b>	<b>678.648.123.885</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>26.300.477.326</b>	<b>112.004.272.579</b>
111	1. Tiền		26.300.477.326	112.004.272.579
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>358.183.126.196</b>	<b>63.456.134.097</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	292.933.692.812	49.735.936.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	50.422.691.643	14.197.818.659
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	15.286.192.425	131.350.025
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(459.450.684)	(608.970.684)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	08	<b>288.135.187.139</b>	<b>481.181.273.007</b>
141	1. Hàng tồn kho		327.769.454.052	527.731.857.934
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(39.634.266.913)	(46.550.584.927)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>34.654.372.283</b>	<b>22.006.444.202</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.313.305.230	1.192.734.004
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.340.947.053	20.813.590.198
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	120.000	120.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>209.639.457.296</b>	<b>231.853.410.524</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	48.000.000	48.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>153.073.676.809</b>	<b>175.523.945.213</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	153.073.676.809	175.523.945.213
222	- Nguyên giá		459.616.793.183	456.837.425.295
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(306.543.116.374)	(281.313.480.082)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	09	<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.356.388.307	1.356.388.307
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>55.161.392.180</b>	<b>54.925.077.004</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	55.161.392.180	54.925.077.004
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>916.912.620.240</b>	<b>910.501.534.409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>646.128.719.474</b>	<b>629.709.180.435</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>646.128.719.474</b>	<b>627.802.913.435</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.946.143.585	288.973.626.527
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	82.364.848.172	54.986.474.796
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	743.701.625	1.444.810.756
314	4. Phải trả người lao động		9.600.459.637	11.126.572.565
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.385.930.481	2.465.021.936
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.544.164.692	8.500.817.743
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	530.630.349.740	255.946.728.380
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	-	3.271.179.884
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.913.121.542	1.087.680.848
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>1.906.267.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	-	1.906.267.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>270.783.900.766</b>	<b>280.792.353.974</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>270.783.900.766</b>	<b>280.792.353.974</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		254.300.000.000	254.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		254.300.000.000	254.300.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.656.581.947	1.402.067.630
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.827.318.819	25.090.286.344
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	1.292.809.579
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.827.318.819	23.797.476.765
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>916.912.620.240</b>	<b>910.501.534.409</b>

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá,  
Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.629.239.043.081	3.565.573.701.998		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	3.803.400.569	11.377.323.380		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.625.435.642.512	3.554.196.378.618		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	4.310.955.371.377	3.272.437.876.531		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.480.271.135	281.758.502.087		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	30.768.379.242	22.557.823.724		
22	7. Chi phí tài chính	25	32.129.046.210	36.431.472.614		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.289.570.879	21.072.983.668		
25	8. Chi phí bán hàng	26	267.417.689.310	200.387.691.770		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	28.675.015.442	37.293.588.876		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.026.899.415	30.203.572.551		
31	11. Thu nhập khác	28	4.826.163.622	6.454.175.543		
32	12. Chi phí khác	29	4.047.274.197	10.504.527.488		
40	13. Lợi nhuận khác		778.889.425	(4.050.351.945)		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.805.788.840	26.153.220.606		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.978.470.021	2.355.743.841		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.827.318.819	23.797.476.765		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	544	834		

Người lập

*Nguyễn Thị Chúc Hà*

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

*Trần Thị Điệp*

Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá,  
Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			VND	VND	VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.805.788.840	26.153.220.606		
	2. Điều chỉnh cho các khoản					
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.188.450.959	26.203.094.383		
03	- Các khoản dự phòng		(10.337.017.898)	36.283.028.653		
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.921.039.576	277.764.468		
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.473.751)	(213.745.847)		
06	- Chi phí lãi vay		21.289.570.879	21.072.983.668		
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.838.358.605	109.776.345.931		
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(306.503.323.697)	324.272.150.032		
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		199.962.403.882	(280.960.641.382)		
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(254.409.605.695)	279.495.545.044		
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(356.886.402)	2.830.975.905		
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.174.837.798)	(20.872.399.450)		
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.675.673.538)	(4.835.480.127)		
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(782.246.000)	(2.178.238.000)		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(332.101.810.643)	407.528.257.953		
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.779.367.888)	(5.634.660.000)		
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(12.500.000.000)		
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	13.680.000.000		
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.473.751	227.825.025		
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.749.894.137)	(4.226.834.975)		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá,  
Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.503.829.554.439	2.791.475.687.199
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.233.563.559.079)	(3.212.093.663.001)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.106.900.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>249.159.095.360</b>	<b>(420.617.975.802)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(85.692.609.420)</b>	<b>(17.316.552.824)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>112.004.272.579</b>	<b>129.383.424.074</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.185.833)	(62.598.671)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>03</b>	<b>26.300.477.326</b>	<b>112.004.272.579</b>

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 254.300.000.000 đồng tương đương với 25.430.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2021 là 254.300.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 280 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 283 người).

##### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến nông nghiệp; kinh doanh thương mại xăng dầu; chế biến cá cơm.

##### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh lúa gạo, kinh doanh nông sản, kinh doanh thủy sản, xay xát;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở Công ty);
- Trồng lúa, trồng cây lâu năm khác.

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến cá cơm Hòn Chông	Tỉnh Kiên Giang	Chế biến cá cơm
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu
Văn phòng đại diện	Thành phố Hồ Chí Minh	



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Cơ sở để xác định Giá trị thuần có thể thực hiện:

- Đối với trường hợp chưa ký được hợp đồng được ước tính dựa trên giá bán theo Công văn số 2767/LTMN-KDXNK ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần ban hành trừ (-) các chi phí ước tính để bán được hàng/ đơn vị sản phẩm.
- Đối với trường hợp đã ký được hợp đồng và đã xác định được giá bán thì lấy theo giá đã ký kết trừ (-) các chi phí ước tính để bán được hàng/ đơn vị sản phẩm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

### 2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 đến 50 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

### 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi chậm trả, chi phí làm hàng, chi phí vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

### 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

## 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## 2.23 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### 3 . TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	548.689.500	810.879.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.751.787.826	111.193.393.579
	<b>26.300.477.326</b>	<b>112.004.272.579</b>

### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Crop Worthy Ventures Inc	-	-	22.044.495.000	-
- Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thanh Nhân	17.820.000.000	-	-	-
- Louis Dreyfus Asia Pte Ltd	73.124.714.354	-	-	-
- Akila Trading (Pty) Ltd	3.707.585.038	-	-	-
- Sikakroabea Co.Ltd	184.707.768.045	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	-	10.129.171.106	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	333.560.375	-	5.787.423.180	-
- Wilmar Riceland Trading Pte.Ltd	-	-	3.060.292.811	-
- Ban điều hành Nhà máy điện Kiên Hải	2.286.440.000	-	1.546.220.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	10.953.625.000	(199.757.000)	7.168.334.000	(349.277.000)
	<b>292.933.692.812</b>	<b>(199.757.000)</b>	<b>49.735.936.097</b>	<b>(349.277.000)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-	<b>10.129.171.106</b>	-

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Chế biến Lương thực Hương Hạnh	-	-	4.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	16.020.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến Lương thực Thắng Lợi	15.552.707.984	-	6.490.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Ngọc Tài	6.520.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất Nhập khẩu Tân Phát	3.090.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Hợp Ngọc	2.020.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Khương Trinh	2.167.500.000	-	-	-
- DNTN Hồng Phượng - (Phạm Thị Thoi)	1.020.000.000	-	1.740.000.000	-
- Trả trước cho các người bán khác	4.032.483.659	(133.343.659)	1.327.818.659	(133.343.659)
	<b>50.422.691.643</b>	<b>(133.343.659)</b>	<b>14.197.818.659</b>	<b>(133.343.659)</b>

### 6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về tạm ứng	5.880.900.000	-	5.000.000	-
- Phải thu Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ phần do ứng trước tiền Cổ tức năm 2021.	9.278.942.400	-	-	-
- Phải thu khác	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
	<b>15.286.192.425</b>	<b>(126.350.025)</b>	<b>131.350.025</b>	<b>(126.350.025)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Kỳ cược, ký quỹ	48.000.000	-	48.000.000	-
	<b>48.000.000</b>	-	<b>48.000.000</b>	-
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>9.278.942.400</b>	-	-	-

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 7 . NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

	Thời gian quá hạn	31/12/2021			01/01/2021		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>199.757.000</b>	<b>(199.757.000)</b>	-	<b>413.357.000</b>	<b>(349.277.000)</b>	<b>64.080.000</b>
- Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	Trên 05 năm	129.757.000	(129.757.000)	-	129.757.000	(129.757.000)	-
- Công ty TNHH Tâm Hùng	Trên 05 năm	70.000.000	(70.000.000)	-	70.000.000	(70.000.000)	-
- DNTN Nguyễn Minh Tuấn	Trên 05 năm	-	-	-	213.600.000	(149.520.000)	64.080.000
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>133.343.659</b>	<b>(133.343.659)</b>	-	<b>133.343.659</b>	<b>(133.343.659)</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	Trên 05 năm	17.604.000	(17.604.000)	-	17.604.000	(17.604.000)	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế & Xây dựng Duy Tân	Trên 05 năm	65.739.659	(65.739.659)	-	65.739.659	(65.739.659)	-
- Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	Trên 05 năm	50.000.000	(50.000.000)	-	50.000.000	(50.000.000)	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>126.350.025</b>	<b>(126.350.025)</b>	-	<b>126.350.025</b>	<b>(126.350.025)</b>	-
- Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Trên 05 năm	51.385.725	(51.385.725)	-	51.385.725	(51.385.725)	-
- DNTN Mê Linh, An Giang	Trên 05 năm	40.808.300	(40.808.300)	-	40.808.300	(40.808.300)	-
- DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	Trên 05 năm	34.156.000	(34.156.000)	-	34.156.000	(34.156.000)	-
		<b>459.450.684</b>	<b>(459.450.684)</b>	-	<b>673.050.684</b>	<b>(608.970.684)</b>	<b>64.080.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.920.545.455	-	4.230.454.545	-
Nguyên liệu, vật liệu	170.358.284.842	(27.381.817.509)	90.622.898.272	(613.291.644)
Công cụ, dụng cụ	1.736.919.655	-	3.501.651.726	-
Thành phẩm	76.952.476.397	(9.746.804.342)	37.601.327.547	(385.968.283)
Hàng hoá	71.801.227.703	(2.505.645.062)	391.775.525.844	(45.551.325.000)
	<b>327.769.454.052</b>	<b>(39.634.266.913)</b>	<b>527.731.857.934</b>	<b>(46.550.584.927)</b>

### 9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Công trình mở rộng sản phôi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm (*)	1.356.388.307	1.356.388.307
	<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>

(\*) Bao gồm chi phí mua đất và các chi phí khác của công trình mở rộng sản phôi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm. Dự án này hiện nay đang tạm ngưng thực hiện. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	224.296.080.978	155.688.533.580	74.452.674.001	884.344.630	1.515.792.106	456.837.425.295
- Mua trong năm	164.867.888	2.073.500.000	541.000.000	-	-	2.779.367.888
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>224.460.948.866</b>	<b>157.762.033.580</b>	<b>74.993.674.001</b>	<b>884.344.630</b>	<b>1.515.792.106</b>	<b>459.616.793.183</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	132.042.411.830	92.168.980.186	55.093.106.359	652.833.638	1.356.148.069	281.313.480.082
- Khấu hao trong năm	10.535.344.338	9.798.451.535	4.680.433.950	104.414.675	110.991.794	25.229.636.292
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>142.577.756.168</b>	<b>101.967.431.721</b>	<b>59.773.540.309</b>	<b>757.248.313</b>	<b>1.467.139.863</b>	<b>306.543.116.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	92.253.669.148	63.519.553.394	19.359.567.642	231.510.992	159.644.037	175.523.945.213
Tại ngày cuối năm	<b>81.883.192.698</b>	<b>55.794.601.859</b>	<b>15.220.133.692</b>	<b>127.096.317</b>	<b>48.652.243</b>	<b>153.073.676.809</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 106.988.426.265 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.058.046.356 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 11.090.877.760 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	298.667.411	401.809.894
- Chi phí sửa chữa tài sản	360.455.838	88.567.418
- Chi phí bảo hiểm	129.535.708	139.484.609
- Chi phí bốc xếp, dỡ học, gia công hàng chờ xuất	385.565.661	308.424.417
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	139.080.612	254.447.666
	<b>1.313.305.230</b>	<b>1.192.734.004</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	527.957.908	698.596.858
- Chi phí sửa chữa tài sản	5.316.967.110	3.590.320.763
- Chi phí bảo hiểm	138.878.483	189.200.608
- Tiền thuê đất trả trước (*)	49.177.588.679	50.429.083.775
- Các chi phí khác	-	17.875.000
	<b>55.161.392.180</b>	<b>54.925.077.004</b>

(\*) Giá trị còn lại của các lô đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất, nay được chuyển sang đất thuê với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoảng thời gian thuê còn lại. Tổng giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại ngày 31/12/2021 là 47.505.826.184 đồng (trong đó bao gồm giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê bổ sung thế chấp trong kỳ này là 13.162.613.927 đồng), tại ngày 01/01/2021 là 35.278.167.249 đồng. (Xem thêm thuyết minh số 12)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 12 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	252.134.628.880	252.134.628.880	3.506.474.847.439	3.229.885.393.579	528.724.082.740	528.724.082.740
- Vay dài hạn đến hạn trả	3.812.099.500	3.812.099.500	1.906.267.000	3.812.099.500	1.906.267.000	1.906.267.000
	<b>255.946.728.380</b>	<b>255.946.728.380</b>	<b>3.508.381.114.439</b>	<b>3.233.697.493.079</b>	<b>530.630.349.740</b>	<b>530.630.349.740</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	5.718.366.500	5.718.366.500	-	3.812.099.500	1.906.267.000	1.906.267.000
	<b>5.718.366.500</b>	<b>5.718.366.500</b>	<b>-</b>	<b>3.812.099.500</b>	<b>1.906.267.000</b>	<b>1.906.267.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.812.099.500)	(3.812.099.500)	(1.906.267.000)	(3.812.099.500)	(1.906.267.000)	(1.906.267.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>1.906.267.000</b>	<b>1.906.267.000</b>			<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

## Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 12 . CÁC KHOẢN VAY

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
				USD	VND	USD	VND
<b>a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:</b>							
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang</b>				<b>104.286.847.350</b>		<b>52.737.559.280</b>	
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0039/20/HDK-KIGIMEX ngày 24/06/2020	5,5%/năm đến 6,3%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Thực vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.			29.081.474.280	
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0039/20/HDK-KIGIMEX ngày 24/06/2020	3,4%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Thực vụ cho sản xuất kinh doanh gạo.			1.019.000,00	23.656.085.000
- Hợp đồng cấp tín dụng số 0010/21/HDK-KIGIMEX ngày 05/04/2021	5,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Thực vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.	55.558.927.350			
- Hợp đồng cấp tín dụng số 0010/21/HDK-KIGIMEX ngày 05/04/2021	3,0%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Thực vụ cho sản xuất kinh doanh gạo.	2.126.000,00	48.727.920.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . CÁC KHOẢN VAY**

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (Tiếp theo)</b>							
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc</b>				<b>253.827.855.390</b>		<b>199.397.069.600</b>	
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/679501/HĐTD ngày 15/06/2020	3,98%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	-	-	6.866.000,00	159.222.540.000
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/679501/HĐTD ngày 15/06/2020	4,5%/năm đến 5,0%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.				40.174.529.600
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/679501/HĐTD ngày 07/06/2021	4,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	89.334.055.390			
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/679501/HĐTD ngày 07/06/2021	3,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	7.180.000,00	164.493.800.000	-	-
<b>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang</b>				<b>58.148.040.000</b>			
- Hợp đồng tín dụng số 142/2021/HĐTD/KGG/01 ngày 03/08/2021	3,3%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ tương lai/ đang hình thành/ đi hình thành từ hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu/ cung ứng gạo.	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hoặc thu mua tạm trữ lúa, gạo, tấm các loại.	2.537.000,00	58.148.040.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . CÁC KHOẢN VAY**

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
<b>Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</b>					<b>52.692.480.000</b>		
- Hợp đồng tín dụng số LAV210067209/1401 ngày 27/09/2021	2,9%/năm	Khoản vay được bảo đảm bằng công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị tại kho chứa lương thực Sơn Thuận - Hòn Đất.	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.	2.304.000,00	52.692.480.000	-	-
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (Tiếp theo)</b>							
<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					<b>40.603.800.000</b>		
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 587/2021/HĐTD-KGM ngày 24/9/2021	3,1%/năm	Cấp tín dụng không tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của MSB	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho: hoạt động sản xuất gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước.	1.770.000,00	40.603.800.000	-	-
<b>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</b>					<b>19.165.060.000</b>		
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35551/20MN/HĐTD ngày 28/12/2020	3,5%/năm	Thế chấp tài sản là các hợp đồng xuất khẩu ủy thác có phương thức thanh toán L/C, D/P	Tài trợ xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P, T/T phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo	838.000,00	19.165.060.000	-	-
				<b>528.724.082.740</b>		<b>252.134.628.880</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . CÁC KHOẢN VAY**

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				Thời gian đáo hạn	VND	Thời gian đáo hạn	VND
<b>b) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:</b>							
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc</b>				<b>1.906.267.000</b>		<b>5.718.366.500</b>	
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/679501 ngày 31/01/2018	11%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán xe Bến chờ xăng dầu		-	Năm 2021	79.000.000
- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/679501 ngày 31/08/2018	11%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán lắp đặt bình tải hạt và cân đóng túi của Xi nghiệp Vĩnh Thắng và Xi nghiệp Tân Phú		-	Năm 2021	1.023.299.500
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/679501/HĐTD ngày 16/04/2019	10,8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán Tàu chò Xăng dầu 61,7m <sup>3</sup> và máy tích mùn Xi nghiệp An Hòa và Xi nghiệp Sơn Thuận	Năm 2022	541.467.000	Năm 2022	1.621.467.000
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/679501/HĐTD ngày 16/01/2020	10,8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán một phần thi công hệ thống băng tải Xi nghiệp Sơn Thuận	Năm 2023	292.250.000	Năm 2023	834.050.000
- Hợp đồng tín dụng số 02/2020/679501/HĐTD ngày 10/12/2020	10,5%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay; hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán một phần đầu tư máy tích mùn, thiết bị phụ trợ, hệ thống cân túi tại Xi nghiệp Thạnh Hưng	Năm 2023	1.072.550.000	Năm 2023	2.160.550.000
					<b>1.906.267.000</b>		<b>5.718.366.500</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(1.906.267.000)		(3.812.099.500)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-		<b>1.906.267.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	-	-	157.550.388.480	157.550.388.480
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân	3.767.010.375	3.767.010.375	127.710.000.000	127.710.000.000
- Công ty TNHH MTV Tâm Lang	825.800.000	825.800.000	1.250.000.000	1.250.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ DTC	875.000.000	875.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang	815.782.000	815.782.000	560.700.000	560.700.000
- Phải trả các đối tượng khác	2.662.551.210	2.662.551.210	1.902.538.047	1.902.538.047
	<b>8.946.143.585</b>	<b>8.946.143.585</b>	<b>288.973.626.527</b>	<b>288.973.626.527</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Perissos Vitoria Unipessoal Lda	25.794.275.742	10.522.915.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Phước	16.100.000.000	33.000.000.000
- Fullway Resources Inc	-	3.189.659.200
- Syarikat Pelangi Tinggi	30.939.382.500	2.987.320.000
- Rbs universal Grains Trades Corporation	2.974.600.000	-
- Mindanao Agriplus Corp	-	2.486.016.000
- Soda	4.728.704.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.827.885.930	2.800.564.596
	<b>82.364.848.172</b>	<b>54.986.474.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	261.547.703	261.547.703	120.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.425.573.359	3.978.470.021	4.675.673.538	-	728.369.842
- Thuế thu nhập cá nhân	-	19.237.397	360.983.774	364.889.388	-	15.331.783
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	212.506.168	212.506.168	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
	<b>120.000</b>	<b>1.444.810.756</b>	<b>4.826.507.666</b>	<b>5.527.616.797</b>	<b>120.000</b>	<b>743.701.625</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Trích trước lãi vay phải trả	315.317.299	200.584.218
- Trích trước lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	1.868.209.726
- Trích trước các khoản chi phí làm hàng	1.620.562.280	-
- Trích trước chi phí vận chuyển	56.841.600	-
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	4.357.412
- Trích trước các khoản chi phí phải trả khác	393.209.302	391.870.580
	<b>2.385.930.481</b>	<b>2.465.021.936</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	87.886.371	88.258.596
- Bảo hiểm xã hội	-	34.280.826
- Phải trả tiền lãi trả chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	553.686.249	475.686.249
	<b>8.544.164.692</b>	<b>8.500.817.743</b>
	<b>7.902.592.072</b>	<b>7.902.592.072</b>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	-	3.271.179.884
	<b>-</b>	<b>3.271.179.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>1.402.067.630</b>	<b>1.292.809.579</b>	<b>256.994.877.209</b>
Lãi trong năm trước	-	-	23.797.476.765	23.797.476.765
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>1.402.067.630</b>	<b>25.090.286.344</b>	<b>280.792.353.974</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>1.402.067.630</b>	<b>25.090.286.344</b>	<b>280.792.353.974</b>
Lãi trong năm nay	-	-	13.827.318.819	13.827.318.819
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.254.514.317	(1.254.514.317)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(21.106.900.000)	(21.106.900.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(2.509.028.643)	(2.509.028.643)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	(119.843.384)	(119.843.384)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (*)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>2.656.581.947</b>	<b>13.827.318.819</b>	<b>270.783.900.766</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 50/NQ-XNK-ĐHDCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	100,00	25.090.286.344
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00	1.254.514.317
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	2.509.028.643
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,48	119.843.384
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	0,40	100.000.000
Chi trả cổ tức 8,3% vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 830 đồng)	84,12	21.106.900.000

#### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	83,31	211.848.000.000	83,31	211.848.000.000
- Các Cổ đông khác	16,69	42.452.000.000	16,69	42.452.000.000
	<b>100</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>100</b>	<b>254.300.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

#### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	254.300.000.000	254.300.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	254.300.000.000	254.300.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	21.106.900.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	21.106.900.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(21.106.900.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	(21.106.900.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

#### d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.430.000	25.430.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

#### đ) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.656.581.947	1.402.067.630
	<b>2.656.581.947</b>	<b>1.402.067.630</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

## 20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê cửa hàng xăng dầu theo hợp đồng thuê hoạt động số 25/HĐTCH/2018 ngày 31/05/2018. Theo hợp đồng này, công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các chi nhánh để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa 50 năm. Bao gồm:

- Diện tích đất thuê 230.726,8 m<sup>2</sup> đã được công ty trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.
- Diện tích đất thuê 69.168,6 m<sup>2</sup> được công ty trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.

### b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	541.862,78	3.398.283,10
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	205,74	237,93

### c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935
- Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000
- Trần Thanh Đỉnh - Xí nghiệp An Hòa	166.982.720	166.982.720
- Trần Quốc Đoàn	168.738.419	168.738.419
- Doanh nghiệp tư nhân Thành Phước	229.845.000	229.845.000
- Trung tâm tư vấn DVXD Kiên Lương	15.000.000	15.000.000
- Kuo Corpunipessoal Ltd- Dili- Timor Leste	4.482.637.600	4.482.637.600
- Kuo Corp - Phí tòa án Xi măng	285.485.437	285.485.437
- Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000
- Chi nhánh DNTN Mỹ Lệ	17.900.000	17.900.000
- Các đối tượng khác	198.112.609	198.112.609
	<b>6.226.462.720</b>	<b>6.226.462.720</b>

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng này không còn tài sản để thu hồi.

## 21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.627.588.665.168	3.565.178.684.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.401.448.591	104.504.400
Doanh thu khác	248.929.322	290.512.900
	<b>4.629.239.043.081</b>	<b>3.565.573.701.998</b>
	<b>3.973.860.720</b>	<b>192.300.316.569</b>

**Trong đó: Doanh thu phát sinh với các bên liên quan**  
*Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

## 22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.803.400.569	11.377.323.380
	<b>3.803.400.569</b>	<b>11.377.323.380</b>

## 23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	4.315.473.449.397	3.237.354.470.268
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản (Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	2.398.239.994 (6.916.318.014)	2.044.277.494 33.039.128.769
	<b>4.310.955.371.377</b>	<b>3.272.437.876.531</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.</i>	<b>16.295.273.000</b>	<b>725.713.701.161</b>

## 24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.473.751	213.745.847
Lãi bán hàng trả chậm	-	516.935.306
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.738.905.491	21.827.142.571
	<b>30.768.379.242</b>	<b>22.557.823.724</b>

## 25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.289.570.879	21.072.983.668
Lãi trả chậm nộp tiền cổ phần hóa	-	110.264.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.852.122.378	14.632.437.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.921.039.576	277.764.468
Chi phí tài chính khác	66.313.377	338.022.548
	<b>32.129.046.210</b>	<b>36.431.472.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	147.438.788.367	138.277.711.417
Chi phí nhân công	1.416.461.927	1.799.160.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	939.069.868	1.013.292.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.344.999.050	56.599.172.706
Chi phí khác bằng tiền	3.278.370.098	2.698.354.166
	<b>267.417.689.310</b>	<b>200.387.691.770</b>
	<b>23.731.360</b>	<b>558.983.138</b>

Trong đó: Chi phí bán hàng phát sinh với các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ quản lý	1.534.141.046	1.348.843.375
Chi phí nhân công	14.327.474.720	14.133.243.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.521.197.653	1.713.793.717
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(3.420.699.884)	3.243.899.884
- Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	(149.520.000)	-
- Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	(3.271.179.884)	3.243.899.884
Thuế, phí, lệ phí	59.675.858	55.749.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.337.826.238	5.292.311.592
Chi phí khác bằng tiền	10.315.399.811	11.505.747.521
	<b>28.675.015.442</b>	<b>37.293.588.876</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ giải phóng tàu nhanh	344.700.000	437.083.312
Thu nhập do được miễn giảm tiền phạt tàu (Hợp đồng AT2010 và AT1999)	-	2.082.423.523
Thu nhập do được miễn giảm khoản lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	1.868.209.726	-
Lãi bán hàng phải thu doanh nghiệp ngoài	2.290.736.452	-
Thu nhập từ bồi thường do hủy hợp đồng	-	3.586.672.000
Thu nhập từ bán bao phế	249.659.454	99.940.909
Thu nhập khác	72.857.990	248.055.799
	<b>4.826.163.622</b>	<b>6.454.175.543</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí phạt do giải phóng tàu chậm	-	671.925.000
Chi phí tổn thất hàng thực tế (Hợp đồng AT2010 và AT1999)	-	1.437.427.138
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	2.688.447.567	8.382.482.709
Chi phí phạt giao hàng chậm	1.335.714.141	-
Chi phí khác	23.112.489	12.692.641
	<b>4.047.274.197</b>	<b>10.504.527.488</b>
	<b>-</b>	<b>6.057.706.863</b>

Trong đó: Chi phí khác phát sinh với các bên liên quan  
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.805.788.840	26.153.220.606
Các khoản điều chỉnh tăng	2.865.179.097	492.708.545
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	459.417.811	492.708.545
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020	2.217.462.877	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	188.298.409	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(778.617.833)	(14.867.209.945)
- Điều chỉnh Chi phí lãi vay xác định lại theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020	-	(14.867.209.945)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(778.617.833)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.892.350.104	11.778.719.206
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.978.470.021</b>	<b>2.355.743.841</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.425.573.359	3.905.309.645
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.675.673.538)	(3.905.309.645)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>728.369.842</b>	<b>2.355.743.841</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.827.318.819	23.797.476.765
Các khoản điều chỉnh	-	(2.588.263.353)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(2.493.415.983)
- Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(94.847.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.827.318.819	21.209.213.412
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.430.000	25.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>544</b>	<b>834</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 quyết nghị thông qua.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST tương đương 0,97 tháng lương người lao động) và Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (0,48% LNST tương đương 0,7 tháng lương người quản lý), dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, cụ thể như sau:

	Năm 2020	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.797.476.765	23.797.476.765
Các khoản điều chỉnh	-	(2.588.263.353)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(2.493.415.983)
- Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(94.847.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.797.476.765	21.209.213.412
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.430.000	25.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>936</b>	<b>834</b>

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.486.629.800.638	1.480.144.510.728
Chi phí nhân công	27.643.609.197	32.603.039.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.188.450.959	26.203.094.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.690.261.175	71.320.774.435
Chi phí khác bằng tiền	14.496.638.387	15.681.579.972
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(3.420.699.884)	3.243.899.884
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>1.678.228.060.472</b>	<b>1.629.196.898.450</b>
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.975.087.482.521	1.837.415.884.183
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm</b>	<b>4.653.315.542.993</b>	<b>3.466.612.782.633</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.300.477.326	-	112.004.272.579	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	308.267.885.237	(326.107.025)	49.915.286.122	(475.627.025)
	<b>334.568.362.563</b>	<b>(326.107.025)</b>	<b>161.919.558.701</b>	<b>(475.627.025)</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vay và nợ	530.630.349.740	257.852.995.380
Phải trả người bán, phải trả khác	17.490.308.277	297.474.444.270
Chi phí phải trả	2.385.930.481	2.465.021.936
	<b>550.506.588.498</b>	<b>557.792.461.586</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.300.477.326	-	-	26.300.477.326
Phải thu khách hàng, phải thu khác	307.893.778.212	48.000.000	-	307.941.778.212
	<b>334.194.255.538</b>	<b>48.000.000</b>	<b>-</b>	<b>334.242.255.538</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.004.272.579	-	-	112.004.272.579
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.391.659.097	48.000.000	-	49.439.659.097
	<b>161.395.931.676</b>	<b>48.000.000</b>	<b>-</b>	<b>161.443.931.676</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	530.630.349.740	-	-	530.630.349.740
Phải trả người bán, phải trả khác	17.490.308.277	-	-	17.490.308.277
Chi phí phải trả	2.385.930.481	-	-	2.385.930.481
	<b>550.506.588.498</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>550.506.588.498</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	255.946.728.380	1.906.267.000	-	257.852.995.380
Phải trả người bán, phải trả khác	297.474.444.270	-	-	297.474.444.270
Chi phí phải trả	2.465.021.936	-	-	2.465.021.936
	<b>555.886.194.586</b>	<b>1.906.267.000</b>	<b>-</b>	<b>557.792.461.586</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**a) Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh Lương thực	Kinh doanh Xăng dầu	Kinh doanh Cá cơm	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.301.796.035.854	293.037.421.508	30.602.185.150	4.625.435.642.512
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	292.094.773.797	17.877.901.298	4.507.596.040	314.480.271.135
Chi phí thuần của bộ phận	280.317.815.985	13.831.857.479	3.303.698.256	297.453.371.720
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	11.776.957.812	4.046.043.819	1.203.897.784	17.026.899.415
Khấu hao tài sản cố định trong kỳ	22.281.643.809	1.934.296.451	972.510.699	25.188.450.959
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.779.367.888	-	-	2.779.367.888
Tài sản bộ phận	718.769.860.685	49.605.743.918	14.745.134.630	783.120.739.233
Tài sản không phân bổ				133.791.881.007
<b>Tổng tài sản</b>	<b>718.769.860.685</b>	<b>49.605.743.918</b>	<b>14.745.134.630</b>	<b>916.912.620.240</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	566.171.446.494	56.399.128.846	-	622.570.575.340
Nợ phải trả không phân bổ				23.558.144.134
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>566.171.446.494</b>	<b>56.399.128.846</b>	<b>-</b>	<b>646.128.719.474</b>

**b) Theo khu vực địa lý:**

	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.383.455.140.843	1.241.980.501.669	4.625.435.642.512
Tài sản bộ phận	672.538.758.106	244.373.862.134	916.912.620.240
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	2.779.367.888	2.779.367.888

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

### 36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	Doanh nghiệp do cổ đông lớn Công ty là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Hòa Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần tại Thốt Nốt	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Sông Hậu	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	-	<b>149.733.771.500</b>
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	149.733.771.500
<b>Nhận phí ủy thác</b>	-	<b>104.504.400</b>
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	104.504.400
<b>Bán hàng ủy thác</b>	<b>3.973.860.720</b>	<b>42.462.040.669</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	42.462.040.669
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	3.973.860.720	-
<b>Mua hàng</b>	<b>16.295.273.000</b>	<b>712.815.205.161</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	635.328.235.161
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần tại Thốt Nốt	-	11.548.300.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Hòa Bình	-	10.950.000.000
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	16.260.974.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	-	6.704.370.000
- Công ty Lương thực Sông Hậu	-	28.071.000.000
- Công ty Lương thực Trà Vinh	34.299.000	-
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	-	2.200.000.000
- Công ty Lương thực Long An	-	11.900.000.000
- Công ty Lương thực Bạc Liêu	-	6.113.300.000
<b>Nhận hàng ủy thác</b>	-	<b>12.898.496.000</b>
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	12.898.496.000
<b>Phí giao nhận, Phí ủy thác, Phí làm hàng</b>	<b>23.731.360</b>	<b>558.983.138</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	26.443.403
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	23.731.360	532.539.735
<b>Lãi phải trả do chậm thanh toán</b>	-	<b>6.057.706.863</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	6.057.706.863

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh  
Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	-	<b>10.129.171.106</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	10.129.171.106
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>9.278.942.400</b>	-
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	9.278.942.400	-
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>7.902.592.072</b>	<b>7.902.592.072</b>
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	
		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
- Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	507.200.000	442.300.000
- Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	89.000.000	90.000.000
- Ông Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	89.000.000	75.000.000
- Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	28.000.000	60.000.000
- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc Công ty	595.400.000	501.400.000
- Ông Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021) Phó Tổng Giám đốc Công ty	427.900.000	322.600.000
- Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	367.700.000	322.600.000
- Ông Nguyễn Trường Giang	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	32.000.000	-
- Bà Vũ Thị Minh Hiền	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	32.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	16.000.000	36.000.000
- Bà Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	16.000.000	36.000.000





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH KPMG kiểm toán.

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Tp. Rạch Giá ngày 18 tháng 01 năm 2022  
**Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Dương Thị Thanh Nguyệt



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

**KIÊN GIANG, NGÀY 17 THÁNG 03 NĂM 2022**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT**